

VĂN HÓA & NGHỆ THUẬT



Tranh vẽ Lý Long Tường từ trên núi chỉ huy trận chiến chống quân Mông Cổ. (Tranh của họa sỹ ML minh họa cho Epoch Times)

SỬ VIỆT

Lý Long Tường

Vị Bạch mã Hoàng Tử đánh bại quân Mông Cổ trên xứ Cao Ly

MINH BẢO

“Bao giờ rừng Báng hết cây,
Tào Khê hết nước, Lý nay lại về”

Hoàng tử Lý Long Tường (李龍祥, Hàn ngữ: 이룡상/ Yi Yong-sang). Ông là hoàng tử triều Lý nước Đại Việt, sau trở thành Hoa Sơn Tướng quân (Hwasan Sanggun) nước Cao Ly và là ông tổ của dòng họ Lý Hoa Sơn (Hoa Sơn Lý thị) ngày nay tại Hàn Quốc.

Từ Đại đô đốc Hải Quân đến người tỵ nạn xứ Cao Ly

Lý Long Tường sinh năm 1174 (Giáp Ngọ), là con thứ bảy của vua Lý Anh Tông (trị vì 1138-1175) và Hiến phi Lê Mỹ Nga. Ông được ban chức Thái sư Thượng trụ quốc, Khai phủ Nghi đồng Tam tư, Thượng thư tả bộc xạ, Lĩnh Đại Đô đốc Hải quân, tước Kiến Bình vương. Ông là

em trai vua Lý Cao Tông và là chú của Lý Huệ Tông, cũng là người trực tiếp thống lĩnh lực lượng hải quân hùng mạnh nhất khu vực thời bấy giờ trú đóng tại Đồ Sơn.

Năm 1226 sau khi nhà Trần lên nắm quyền, Lý Long Tường bí mật tới Thái miếu thu gom các bài vị, các đồ tế khí, rồi trở lại Đồ Sơn cùng sáu ngàn gia thuộc qua cửa Thần Phù, Thanh Hóa chạy ra biển Đông trên ba hạm đội.

Chim phượng hoàng đến từ phương Nam

Vào đêm trước khi Lý Long Tường và đoàn quân dạt vào đất liền, vua Cao Ly Cao Tông (trị vì 1213-1259) có một giấc mơ lạ. Ông mơ thấy một con chim phượng hoàng cực lớn bay đến từ phương Nam và đậu xuống bờ biển Cao Ly. Thấy giấc mơ quá lạ, ông kể lại cho quan chiêm tinh của mình nghe; các quan nghe xong rồi đều đồng loạt tâu rằng:

Khi ra trận, ông thường cưỡi ngựa trắng mặc áo giáp trắng, áo bào trắng đôn đốc quân sĩ, nên nhân dân gọi ông là Bạch Mã Tướng quân.

“Xin chúc mừng hoàng thượng. Phượng Hoàng là vua của loài chim, còn có nghĩa là dòng dõi hoàng tộc cao quý và mang điềm lành. Nay nó đậu xuống nước ta nghĩa là bệ hạ là vị Thiên Tử được lòng Trời, nên ông Trời cho chim Phượng đến, cũng có nghĩa là thời gian ngắn sắp tới sẽ có người tài giỏi thuộc dòng dõi cao quý đến từ phương Nam; không phải phía Nam của nước ta (Cao Ly) mà là đến từ một quốc gia phía Nam. Người này chắc là mãnh tướng mà bệ hạ đang mong chờ.”

Năm 1216, người Cao Ly tuy đã đánh bại đế quốc Khiết Đan xâm lược, nhưng quốc gia lại đứng trước nguy cơ xâm lăng của một kẻ thù còn mạnh hơn gấp bội; đó là người Mông Cổ. Vị vua trẻ Cao Tông đầy hùng tâm tráng chí đang đối diện với muôn vàn khó khăn khi quốc gia còn yếu, không thể có vị đại tướng tài ba giúp ông chống ngoại xâm.

Tiếp theo trang 3

Bùi Viện: Đô đốc hàng hải thương mại duy nhất trong sử Việt (Phần 1/2)

MINH BẢO

Vua Quang Trung từng được xem là vua của hải tặc Đông Nam Á. Phát kiến sử dụng hải tặc làm trung tâm trong lực lượng hải quân của ông không những tạo ra một hạm đội hùng lấy trong khu vực, lập nên những chiến công lớn mà còn làm cho hàng hải của nước Việt không bị đe dọa bởi nạn cướp biển. Quang Trung mất năm 39 tuổi khi giặc mỏng đưa Đại Việt trở thành cường quốc hàng hải còn dang dở.

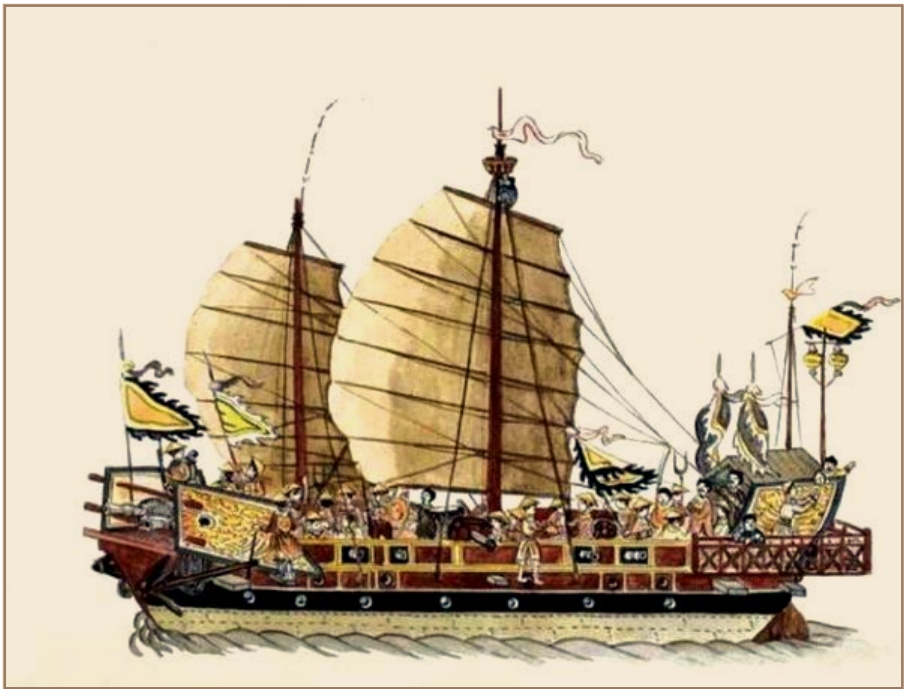
Hơn 47 năm sau, nước Nam thời Nguyễn trong cơn nguy cấp đã xuất hiện một vị hào kiệt rất giống với Quang Trung Hoàng đế về tài năng thống lĩnh và tầm nhìn đối với hải quân.

Doãn Khuê nhìn thấy tài năng của Bùi Viện, một người trẻ tuổi nhưng có “tài kinh bang tế thế”.

Ông đã xây dựng nên một hạm đội tuần dương cho nước Nam. Nhưng Trời không chiều lòng người, bậc anh tài này, cũng như Quang Trung, mất sớm năm 39 tuổi. Nước Nam một lần nữa lại để vuột mất cơ hội trở mình thành cường quốc. Thật đáng tiếc thay!

Vị hào kiệt đó chính là Bùi Viện, đô đốc hàng hải thương mại của tuần dương quân hiện đại duy nhất thời phong kiến trong sử Việt Nam.

Bùi Viện (1839-1878) hiệu Mạnh Dực, quê ở làng Trình Phố, tổng An Bối, huyện Trực Định, phủ Kiến Xương, tỉnh Nam Định (nay là Trình Trung, xã An Ninh, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình). Ông sinh ra trong một gia đình nhà Nho nhưng lại không có duyên khoa cử. Ông đỗ Tú tài năm 1864, đỗ Cử nhân năm 1868. Nhưng hai lần thi Hội năm 1868 và 1869 sau đó, ông đều hỏng thi. Có lẽ ông Trời không an bài ông đỗ đại khoa làm quan lớn mà muốn để ông làm những việc phi thường chăng?



Thuyền chiến thời Nguyễn. Tranh vẽ của Nguyễn Thụ, họa sĩ cung đình thời Nguyễn.



Quần Cờ Đen - Tranh minh họa trong cuốn "Quốc Văn giáo khoa thư".

Hải quân Đại Nam, thời huy hoàng nay còn đâu?

Để thống lĩnh quốc gia, nhà Nguyễn phải ưu tiên xây dựng thủy binh hùng mạnh để giành chiến thắng trong cuộc đời đấu với quân Tây Sơn, một lực lượng hải quân có thể coi là tinh nhuệ nhất Đông Nam Á đương thời.

Nguyễn Ánh, giống như Nguyễn Huệ, cũng là một trong những vị vua hiếm hoi vô cùng tinh thông thủy chiến và kỹ nghệ đóng tàu. Ông đã trực tiếp chỉ huy xây dựng hạm đội nhỏ bé của mình trở thành một lực lượng đáng nể ở Đông Nam Châu Á và giành chiến thắng chung cuộc. Kết quả là trong vòng 10 năm, Nguyễn Ánh đã thành lập một hạm đội với số thuyền hùng hậu lên tới 100 chiến hạm, 800 pháo hạm và 500 pháo hạm nhỏ. Trong đó đáng kể nhất là chiếc Long Phi được trang bị đến 32 khẩu đại bác, Phụng Phi và Bàng Phi có 26 khẩu với sức chứa trên 300 người mỗi thuyền.

Đây là một lực lượng đủ sức mạnh để thống trị đường biển và đánh bại đối thủ cùng thời. Đã có rất nhiều ghi chép về giai đoạn này trong các tài liệu nước ngoài:

"Liệu cũng trong vòng 10 năm ác liệt như thế, các thần dân rất nâng nể của vua Louis XVI (chỉ Chính phủ Pháp) có thể xây dựng được đội quân hùng hậu như vậy không?" (Trích "Một chuyến du hành đến xứ Nam Hà (1792-1793)", J.Barrow)

"Các xưởng đóng chiến thuyền trong xứ và các quân cảng được Ngài xếp đặt chính tề, đồ sộ; người ngoại quốc đến xem phải động lòng kính phục; nếu cả Âu Châu được trông thấy thì cả Âu Châu cũng phải khen ngợi."

Một bên bài trí la liệt những súng trường, súng thần công, đại bác đủ hạng, những dã pháo, những xe chở súng, những viên đạn lớn nhỏ đủ cỡ... Phần nhiều so sánh với các kiểu súng đạn tốt nhất ở Tây phương, bất quá chỉ thua kém về vẻ đẹp mà thôi." (Le Labrousse, một người Pháp viết trong bức thư đề ngày 1/5/1800 gửi cho giám đốc trường Tu nghiệp của Hội Truyền giáo ngoại quốc ở Paris.)

Hạm đội hùng mạnh kia của quân Nguyễn lẽ ra đã có thể được duy trì để chiếm ưu thế trên mặt biển vào thời đó (thế kỷ 19) và bảo vệ quốc gia khi các nước Tây Âu bành trướng hải quân ra khắp thế giới. Thế nhưng, các vua nhà Nguyễn, sau vài cuộc phản loạn, lại trở nên e sợ chính quân đội và các tướng lĩnh của mình; họ thu hết quyền binh và hạn chế đầu tư vào quân đội. Hải quân càng thế kém hơn khi hoàng gia xác định rằng lực

địa mới là mối quan tâm hàng đầu. Họ bị bỏ bê và hầu như không có đầu tư nào đáng kể. Chưa kể chính sách bế quan tỏa cảng từ sau thời Gia Long lại càng khiến cho trình độ quân sự nhà Nguyễn trở nên lạc hậu trong khu vực. Đội ngũ chiến thuyền có tiếng Đông Nam Á ngày nào giờ đã trở nên vô cùng suy yếu và mỏng manh.

Với tình trạng như thế, việc người Pháp chiếm lấy nước Nam là điều hiển nhiên. Năm 1873, chỉ trong vòng ba tuần, toàn bộ bốn tỉnh miền đông bằng sông Hồng gồm Hà Nội, Hải Dương, Ninh Bình, Nam Định với 2 triệu dân cư và một số thành lũy đã rơi vào tay đội quân Pháp chỉ chừng 180 người, được chỉ huy bởi viên đại úy hải quân chưa tới 35 tuổi là Francis Garnier. Có thể kể đến trường hợp thành Ninh Bình với 1,700 binh lính hạ vũ khí đầu hàng một toán quân Pháp chỉ có bảy người. Muốn thoát khỏi cảnh đô hộ, chỉ còn cách duy tân và tự lực tự cường. Đây cũng là thời điểm mà quân đội quốc gia cần một người tài năng như Bùi Viện.

"Chỉ tang bồng hồ thi đại náo khuây, phải hăm hờ ra tài kinh tế"

Đường công danh có vẻ không dành cho Bùi Viện vì mãi đến năm 29 tuổi ông mới đỗ cử nhân. Ngay sau khi đỗ đạt, ông liền rời quê nhà vào Huế để thi Hội. Tiếc thay, hai lần thi Hội năm 1868 và 1869 ông Cử họ Bùi đều bị trượt! Nhưng vốn tính tình phóng khoáng, có chí khí tài năng nên việc thi đỗ hay không đối với ông dường như không quan trọng mấy. Ông tận dụng thời gian ở kinh đô để giao thiệp với giới quan lại, đặc biệt là những người có cùng chí hướng và quan niệm cải cách như ông. Thời điểm đó, ông quen biết Lê Tuấn, quan Tham tri bộ Lễ, người rất mến chuộng tài năng của ông.

Cơ hội đến khi năm 1871, Lê Tuấn vắng mệnh vua ra Bắc kết hợp với quân Cờ Đen Lưu Vĩnh Phúc dẹp loạn quân Cờ Vàng của Hoàng Sùng Anh. Lê Tuấn do không thông hiểu miền Bắc nên mời Bùi Viện theo làm cố vấn. Lần trợ giúp này khá thành công nên triều đình cũng bắt đầu biết đến Bùi Viện.

Vừa xong việc với Lê Tuấn, ông lại xin tay áo trợ giúp cho Doãn Khuê, Doanh điền sứ Nam Định làm việc khai hoang, lấn biển. Doãn Khuê (1813-1878) là một vị quan văn mà lại có tài thao lược, từng giữ các chức Đốc học các tỉnh Nam Định và Sơn Tây, kiêm Doanh điền sứ, Hải Phòng sứ các tỉnh duyên hải Bắc Kỳ. Ông là một trong số ít các vị quan có tư tưởng cải cách tiến bộ dưới thời vua Tự Đức, không cam chịu ký hòa ước hàng Pháp.

Có câu "Anh hùng sở kiến lược đồng", vì thế mà Doãn Khuê nhìn thấy tài năng của Bùi Viện, một người trẻ tuổi nhưng có "tài kinh bang tế thế". Ông quyết định mời Bùi Viện ra giúp việc cho mình trong Nha Doanh điền sứ. Công việc không chỉ là khai hoang, mà còn là việc chuẩn bị lập lực lượng dân binh để cho kháng chiến chống Pháp sau này.

Tại đây, Bùi Viện được giao trọng trách vừa đánh dẹp hải tặc, vừa xây dựng kiến thiết bên Ninh Hải thành thành hương (Ninh Hải là tiền thân của cảng Hải Phòng sau này).

Nhờ công lao khai khẩn của Doãn Khuê mà vùng Nam Định xây dựng được một cơ sở vững chắc, tạo lập được một đạo quân khá tinh nhuệ. Năm 1873, chính đạo quân này dưới sự thống lĩnh của Doãn Khuê và Nguyễn Mậu Kiến đã giao tranh với quân Pháp của Francis Garnier, chiếm được đồn Chân Định, bắn cháy một tàu chiến Pháp và đánh bại quân Pháp ở làng Ngô Xá. Đó quả là chiến công kỳ diệu.

Trong những năm ở tại các vùng này, việc tham gia dẹp loạn và công việc ở doanh điền sứ đã đem đến cho Bùi Viện những kinh nghiệm và tầm nhìn giúp ông sau này lập nên Tuần Dương Quân, lực lượng hải quân chuyên nghiệp đầu tiên của nước Nam.

(Còn tiếp)



Tranh vẽ Lý Long Tường của NTDVN.

Lý Long Tường Vị Bạch mã Hoàng Tử đánh bại quân Mông Cổ trên xứ Cao Ly

Tiếp theo từ trang 1

Nay nghe các quan giải mộng liền thấy mừng rỡ vô cùng, liền xuống chiếu cho người đi tìm khắp nơi. Trùng hợp vào thời điểm đó, hạm đội lưu vong của Lý Long Tường cũng vừa cập bến Cao Ly.

Giảng võ độc thư, chấn hưng nguyên khí Cao Ly

Triều Lý là triều đại huy hoàng của nước Đại Việt, phát triển vượt bậc cả về văn trị lẫn võ công. Là hoàng thân cao quý, Lý Long Tường đương nhiên đem theo tất cả những tinh hoa của triều đại đến đây. Cảm động trước ân tri ngộ của vua Cao Tông, ông đem những sở học đặc ý cả đời mở ra để dạy cho dân xứ này, mong muốn biến họ thành một dân tộc lễ nghi văn võ như triều Lý vào thời hoàng kim. Do đó ông mô phỏng theo cách thức nhà Lý, cho mở Độc Thư đường dạy văn (thi phú, lễ nhạc, tế tự) và Giảng Võ đường dạy võ (binh pháp, võ thuật). Học trò theo học rất đông, lúc nào cũng trên nghìn người. Kể từ thời đại này mãi đến vài trăm năm sau, hầu như những danh tướng, danh thần phần lớn đều xuất thân từ các ngôi trường này. Đây quả là điểm lành và món quà từ Thiên thượng dành cho vua và dân Cao Ly vậy.

Đánh bại Nguyên Mông, lừng uy Hoa Sơn thái

Vào năm 1225, đế quốc Mông Cổ gửi sứ giả đến Cao Ly yêu cầu cống nộp nhưng Cao Ly từ chối, đồng thời còn giết chết sứ giả của Mông Cổ là Từ Cốc Dư (Chu-ku-yu).

Năm 1232, Đại hãn Oa Khoát Đài (Ogotai) đem quân tiến đánh Cao Ly bằng hai đường thủy bộ. Về đường thủy, quân Nguyên Mông vượt biển tiến đánh tỉnh Hoàng Hải nhưng bị Lý Long Tường lãnh đạo tướng sĩ, gia thuộc và quân dân địa phương đẩy lui. Khi ra trận, ông thường cưỡi ngựa trắng mặc áo giáp trắng, áo bảo trắng đôn đốc quân sĩ, nên nhân dân

gọi ông là Bạch Mã Tướng quân.

Năm 1253, Đại hãn Mông Ca lại đem quân đánh Cao Ly lần thứ hai.

Quân Nguyên Mông do Đường Cơ chỉ huy tấn công Hoàng Hải cả đường thủy lẫn đường bộ. Lý Long Tường lãnh đạo quân dân trong vùng chiến đấu với quân Nguyên Mông suốt 5 tháng. Các đề tử và tướng lãnh quân dân trong vùng, bằng binh pháp của Đại Việt do ông truyền dạy, đã đánh cho quân giặc nhiều trận thua đau và cuối cùng phải đầu hàng. Bạch mã tướng quân Lý Long Tường năm đó đã 79 tuổi vẫn hiện ngang uy vũ trong bộ khôi giáp đã bạc màu vì chiến trận, chủ trì buổi lễ dâng tù binh lên vua Cao Ly, gọi là lễ Thụ hàng. Nơi dâng tù binh gọi là Thụ Hàng Môn, hiện nay vẫn còn nhà bia do vua Cao Ly cho ghi công đức của ông tại đây.

Vì sao một nước nhỏ như Cao Ly lần này lại có thể chặn đứng quân Mông Cổ cả thủy và bộ. Câu trả lời nằm ở Lý Long Tường. Khi ra đi vị Đại Đô Đốc Hải Quân này đã đem theo 3 hạm đội gồm 6,000 thủy thủ và gia thuộc; đó toàn là những tinh anh trong Hải quân nhà Lý nên đã giúp nâng cấp hải quân Cao Ly. Đồng thời ông còn thành lập Giảng Võ đường chuyên đào tạo võ công và binh pháp cho sĩ quan cả thủy lẫn bộ. Vì thế mà chỉ 6 năm sau khi đến Cao Ly, năm 1232 quân dân Cao Ly đã đủ sức đánh bại quân Mông Cổ ngay tại tỉnh Hoàng Hải của mình.

Sau chiến công này, vua Cao Ly đổi tên Trần Sơn thành Hoa Sơn, phong Lý Long Tường làm Hoa Sơn Quân hay Hoa Sơn Tướng Quân (Hwasan Sang Gung), ban cho vùng Hoa Sơn để sinh sống và thờ cúng tổ tiên. Kể từ đó đã bắt đầu huyền thoại của một trong những dòng họ cổ xưa và danh giá nhất Hàn Quốc - Hoa Sơn Lý Thị.

"Bao giờ rùng Báng hết cây, Tào Khê hết nước, Lý nay lại về"
Sau 794 năm kể từ ngày Lý Long



Nơi quân Mông Cổ đầu hàng được gọi là Thụ Hàng Môn, vua Cao Ly cũng cho lập bia tại đây để ghi công Lý Long Tường (đi tích này hiện nay vẫn còn).

**Dân gian có câu:
"Tổ tiên tích đức,
con cháu vinh hoa";
họ Lý Hoa Sơn
thịnh vượng suốt
800 năm cũng là
có lý do.**

Tường đặt chân lên Cao Ly, lời sấm truyền hàng trăm năm đã được ứng nghiệm. Rừng Báng giờ đã thành đồng ruộng xanh ngát, ngôi Tào Khê giờ cạn trơ không còn nữa, cũng đã đến lúc những cánh chim xa quê được quay trở về với quê cha đất tổ.

Gần đây nhất, dự án Làng Việt Nam đã được chính phủ Hàn Quốc lên kế hoạch xây dựng trong 5 năm với kinh phí 42 tỷ KRW (khoảng 38 triệu USD), dự kiến khởi công năm 2020. Và trùng hợp thay, địa điểm được chọn chính là khu vực làng cũ đất phong của Hoa Sơn Quân Lý Long Tường, nơi hiện vẫn còn Trung Hiếu Đường do dòng tộc này xây dựng.

Lời kết:

Dân gian có câu: "Tổ tiên tích đức, con cháu vinh hoa"; họ Lý Hoa Sơn thịnh vượng suốt 800 năm cũng là có lý do. Triều Lý lập quốc liền đời đồ ra Thăng Long, xác lập nên đại thống cho nhiều đời sau. Biết quốc gia còn nhiều khó khăn, các đời vua Lý đều cai trị hết sức tận tâm. Bên cạnh đó, họ còn ra sức hoàng dương Chính Pháp, dùng đức hạnh của bản thân mình làm gương cho thiên hạ và nâng cao đạo đức cho muôn dân, chính tín Thần Phật.



ẢNH DƯỚI: Trung Hiếu Đường của dòng Hoa Sơn Lý Thị. (Ảnh chụp màn hình)

EPOCH
TIMES
TIẾNG VIỆT



BẠN MUỐN CHIA SẺ BÁO VỚI NGƯỜI THÂN, BẠN BÈ?

*Epoch Times Tiếng Việt sẽ giúp
chuyển tận nhà mỗi tuần.*

ĐẶT MUA BÁO NGAY HÔM NAY:

TEL: **(626) 618-6168**
(714) 356-8899

WWW.ETVIET.COM

10962 Main Street, Suite 101, El Monte, CA 91731-2922

Lương Văn Can và Đạo kinh doanh của người Việt



TRANH MINH HỌA TỪ CUỐN "QUỐC VĂN GIÁO KHOA THU"

HÀNH THÌ

Trong dòng chảy của lịch sử, cụ Lương Văn Can được xem như người thầy cho giới doanh thương. Cách đây ngót một thế kỷ, cụ Lương Văn Can khẳng định: nhà buôn cần có đủ thường đức thường tài mới cạnh tranh được với tư bản thế giới. “Thương đức, thương tài” – hai chữ đó đã gói trọn một triết lý về đạo kinh doanh mà cụ cử Can muốn cùng chia sẻ với những người trong thương giới.

Mỗi nghề đều có một cái “Đạo”, hay nói cách khác là một triết lý riêng cho nghề. Làm nghề buôn bán, ấy là nghề làm giàu không chỉ cho bản thân mà cho cả xã hội. Nghề buôn bán trong buổi đầu được cổ súy, cũng rất cần có một cái Đạo. Và có thể nói, cụ Lương Văn Can chính là người đặt nền móng xây dựng Đạo kinh doanh cho người Việt.

Lương thiện và chân chính là đạo cao nhất của nghề kinh doanh Kinh doanh nhất quyết không phải là việc kiếm lời một cách bất chính, chộp giật, lường gạt. “Hai chữ kinh doanh phải xem xét cho biết nghĩa rộng lớn”. Cụ cử Lương cực lực lên án những kẻ gian dối trong kinh doanh “bán gạo mà đổ thêm nước vào, bán thuốc mà trộn thêm vào, bán sơn mà trộn thêm dầu vào, bán thuốc mà đổi thứ khác vào” – đó là cách kiếm lời không bền và sớm muộn sẽ bị loại khỏi thương trường.

Việc kinh doanh kiếm lợi phải thuận theo lẽ tự nhiên, chứ không phải vì lòng tham mà mạo hiểm, “như người chứa gạo mà mong giá gạo đắt, chứa vải mà mong giá vải cao”, “như người mua thùa mà bán thiếu, làm của giá để đánh tráo với của thật” đều bởi tai lòng tham quá nặng. Xét kỹ ra giàu nghèo có số, chưa chắc đã được như ý ngay. “Dầu được lợi đến giàu, nhưng mà đạo giới cho phúc người thiện bất và người dâm, mà chắc mình đã được hưởng lợi, đổi có người buôn bán khỏi gia mà con cháu chẳng được hưởng phúc đấy, thực bởi vì thế vậy.”

Như vậy, Lương Văn Can khẳng định buôn bán phải là một nghề lương thiện và chân chính – đó là nguyên tắc, một lý đạo cao nhất của nghề kinh doanh.

Không được xem đồng tiền là mục đích duy nhất trong kinh doanh

Cụ Lương Văn Can cũng bày tỏ quan điểm không được xem đồng tiền làm mục đích duy nhất trong kinh doanh: vì nếu tham lợi sẽ nảy sinh những mảnh trá, thiệt hại tới người tiêu dùng, và lâu dài thì đó là hành động hủy diệt chính mình. Trong việc buôn bán, không phải bao giờ cũng cần chăm vào mỗi lợi cho mình mà còn phải biết nghĩ đến cái lợi cho người.

Cụ viết: “Việc gì có ích cho người mà không tổn đến mình thì nên vui

lòng mà làm; việc gì có ích cho người dẫu hơi tổn đến mình cũng nên miễn cưỡng mà làm; việc gì có tổn đến mình mà không ích cho người thì quyết không nên làm; việc gì không ích cho mình mà có tổn đến người lại không nên làm làm.” Cũng từ quan điểm này, cụ Lương Văn Can khái quát nên những “điều cấm” đối với người làm kinh doanh: “Việc gì trái cái bụng lương tâm mình thì không nên làm; việc gì trái công lý thì không nên làm; việc gì hại người thì không nên làm; việc gây nên ác nghiệp thì không nên làm.”

Như vậy, kinh doanh không chỉ là thu về nguồn lợi cho cá nhân mà còn là đem lại những lợi ích cho cộng đồng, xã hội. Những quan điểm về nghề kinh doanh của cụ có thể khái quát thành một cái Đạo: Kinh doanh chính là phụng sự xã hội.

Nguồn gốc của cái phải minh bạch

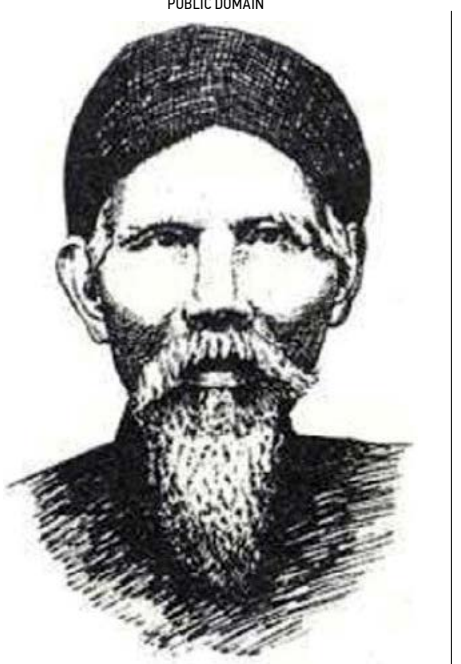
Theo cụ Lương Văn Can, của cải, tiền bạc là rất quan trọng, song “nguồn gốc phải cho trong mới được” – tức là những gì thu về từ việc buôn bán phải chính đáng. Những của cải chính đáng thì việc chi tiêu mới đúng người đúng việc. Ngay cả người xuất thân trong nghèo khổ, làm giàu cũng phải đi bằng con đường ngay thẳng. Và người không có của cải chưa hẳn là nghèo, nếu như trong tay họ sở hữu một cái nghề chân chính. Nghề nghiệp vững vàng là một món của cải quý và lâu bền.

Cần kiệm là cái đạo lớn của người kinh doanh

Cụ cử Can đưa ra một triết lý: “Cay đắng siêng năng là con đường để tiến lên thành tài đó; một bước tiến lên một bước, rồi ra tiến bộ vô cùng.” Sự tiến phát triển, thành công của bất cứ nghề nghiệp nào cũng đều phải trải qua sự khổ công, sự nỗ lực. Một trong những điều quan trọng của người kinh doanh là tận tụy với nghề, dồn hết tâm sức vào con đường mình đã chọn lựa, không ngừng học tập và trau dồi kiến thức.

Đối với người kinh doanh, khi kiếm được tiền nếu hoang phí xa xỉ thì bạc nghìn bạc vạn rồi cũng tiêu tán hết. Sự xa xỉ là điều mà cụ Lương Văn Can phê phán rất mạnh mẽ, vì theo cụ “Cái nguyên nhân nhốn, quốc dân sở dĩ suy yếu là tự xa xỉ mà đến”. Sự xa xỉ cũng chính là mẹ đẻ của tính tham lam trong mỗi con người. Cụ khuyến các nhà buôn ta “Những số sách tiền bạc tiêu ra thu vào thường thường xét để ở trong con mắt; thế là phép rất tốt của nhà buôn bán” và “Phàm cái gì cũng phải liệu số thu vào rồi hàng tiêu ra; chứ có tranh thì điện hao mà thành ru phỉ đi mất nghìn.”

Tuy nhiên, cụ cũng chỉ ra: “Tiết kiệm là cái đức tốt, nhưng mà hà tiện quá ra biến lẫn lại là cái kho chứa oán.” – ranh giới giữa tiết kiệm và sự hà tiện chỉ cách nhau trong gang tấc,



PUBLIC DOMAIN

Chân dung cụ Lương Văn Can.

Lương Văn Can khẳng định buôn bán phải là một nghề lương thiện và chân chính – đó là nguyên tắc, một lý đạo cao nhất của nghề kinh doanh.

ẢNH MINH HỌA: Trong việc buôn bán, không phải bao giờ cũng chăm chăm vào mỗi lợi cho mình mà còn phải biết nghĩ đến cái lợi cho người. (Ảnh từ cuốn sách Technique du Peuple Annamite (Henri Oger) 1909.



HENRI OGER

có thể biến một nhà buôn từ thái cực này (tốt) sang thái cực khác (xấu).

Dùng đồng tiền đã kiếm được để phục vụ xã hội

Người làm kinh doanh cần phải cần kiệm, song lại cũng phải biết tiêu tiền – tức là biết biến những đồng tiền đó hồi nước mắt của mình thành những giá trị. “Mình thời kiệm mà chu cấp cho người; chỗ tiền tiêu thì dẫu nhiều tiền cũng đừng tiếc; chỗ không nên tiêu thì dẫu ít cũng đừng hoang phí; thế thời cơ nghiệp chẳng nát mà ăn đức mới rộng, như cứu người nạn, giúp người ngặt, cho người nghèo, thương người khổ, những việc thiện đó là chỗ nên tiêu tiền đó; như phón hoa tốt đẹp kiểu xa dâm dâm những việc ác ấy là chỗ không nên bỏ tiền đó; hay chứa của mà lại hay bỏ của thế là ta sai khiến được của...”

Cụ cử Lương khuyến các nhà buôn phải biết tiêu tiền; đó là dùng đồng tiền đã kiếm được để phục vụ xã hội.

Nhìn lại cuộc đời của cụ, có thể thấy đó là một minh chứng sống động cho triết lý kinh doanh cụ muốn nhắc nhở: những đồng tiền gia đình cụ tích góp từ việc kinh doanh đã quay lại với xã hội, góp phần vào những việc ích nước lợi dân. Trong các trường hợp cần kíp, gia đình cụ sẵn sàng bỏ cả gia sản tổ tiên để đóng cho sự nghiệp chung của dân tộc.

Các thể hệ hậu của cụ phục vụ về những tâm huyết, những cống hiến của Cụ trong việc truyền những bài học đạo đức trong kinh doanh, truyền cái “Đạo” muốn đời của người làm kinh doanh.

Những triết lý về đạo kinh doanh mà cụ Lương Văn Can đã chia sẻ với thương giới cách đây ngót thế kỷ, vẫn là những bài học vượt thời gian và giới vực của giá trị dành cho các thế hệ tiếp theo.

Theo “Lương Văn Can – Xây dựng đạo kinh doanh cho người Việt”



Hoài niệm một món quà từ lúa non

HOA MAI

Truyền thuyết kể rằng vào một mùa thu cách đây cả ngàn năm, khi lúa bắt đầu uốn cầu thì trời đổ mưa to, gió lớn, dế vỡ, ruộng lúa cao nhất đồng cũng chìm trong nước. Dân làng Vòng đành mò cắt những bông lúa còn non ấy đem về rang khô, ăn dần, chống đói. Không ngờ họ lại thấy những hạt lúa non rang lên ấy có hương vị riêng, rất hấp dẫn, nên thường hay làm để thưởng thức mỗi khi mùa thu đến. Kinh nghiệm làm cốm được tích lũy dần từ đời này sang đời khác, nên hạt cốm ngày càng mỏng, càng dẻo, càng thơm và càng xanh dịu dàng hơn.

Cốm - kỷ ức khó phai về mùa thu Hà Nội

Có rất nhiều món quà bánh, thức ăn làm từ cốm. Trong phong tục người Tràng An, không biết từ bao giờ, mâm cỗ sinh lễ cưới hỏi không thể thiếu bánh cốm, mà được chuộng nhất là bánh cốm phố Nguyễn Ninh - Hàng Than. Mâm cỗ dịp lễ trung thu của trẻ em ngắm trăng cũng không thiếu gói cốm tươi hay đĩa cốm xào. Còn bàn thờ gia tiên đêm giao thừa cũng thường thoáng hương cốm khi thì bởi một đĩa cốm xào, khi thì mấy bát chè cốm. Cốm Hà Nội cũng là thức quà thanh lịch và hấp dẫn với khách thập phương xa gần. Mặc dù có nhiều loại quà từ cốm, nhưng có lẽ vị cốm giữ được thơm ngon tinh khiết hơn cả là để nguyên chất mà không pha hay trộn lẫn với bất cứ thứ nào khác. Đó là một lớp cốm tươi sạch nguyên chất thường được gói trong một chiếc lá sen mới hái.

Cốm tươi thường được gói trong hai lớp lá, một lớp lá ráy tươi để giữ

cho cốm không bị khô, ngoài cùng là lớp lá sen thoáng hương thơm ngọt, buộc trong sợi rơm lúa nếp vàng ruộm khiến hạt cốm xanh càng mang đậm hương đồng nội. Cầm trên tay gói quà xanh ấy, người ta thường tự nhiên chỉ dám se se, từ từ mở ra và ăn từng chút để thưởng thả thưởng thức, trân trọng mùi vị thanh khiết của đất trời, vị ngọt dịu dàng của lúa nếp non, và hương sen thơm ướp vào hạt cốm. Chả trách gì mà nhạc sĩ Trịnh Công Sơn từng khắc họa: “*Mùa cốm xanh về thơm bàn tay nhỏ, phố xưa via hè thơm bước chân ai*” trong một bài ca về mùa thu Hà Nội nhiều năm trước. Ngồi bên gánh hàng cốm của các bà các cô, lật lớp lá sen bên trên và chạm tay đưa lên một chút cốm, hít hà mùi thơm giữa ánh nắng vàng óng ả trong gió heo may nhẹ có lẽ là kỷ ức khó phai về mùa thu Hà Nội của rất nhiều người, nhất là những người lâu ngày xa quê.

Công phu món quà của Trời Đất

Quá trình hình thành nên hạt cốm đúng là sự dung dưỡng công phu của cả trời đất và sự tỉ mỉ, khéo léo của người làm cốm. Từ giọt sữa trắng thơm nằm dưới lớp vỏ của hạt lúa nếp màu xanh phảng phất hương vị tinh khiết của đồng nội, dưới ánh mặt trời ngày này qua ngày khác giọt sữa ấy dần dần đông lại, đông lại, khiến bông lúa cong xuống vì nặng cả chất quý thuần khiết của trời đất. Đợi khi vừa đủ nhất theo con mắt nhà nghề giàu kinh nghiệm, thường là khi từng bông lúa vào hồi căng nhất, nhiều dinh dưỡng nhất trong kỳ đông sữa, người ta cắt và mang về và chế biến theo cách thức bí truyền lâu đời và khắt khe thành hạt

cốm dẻo và thơm ngon. Thời điểm cắt lúa phải rất đúng lúc, rất đúng lúc, để quá ngày thì hạt cốm không còn xanh, cứng và dễ gãy nát. Cắt lúa sớm thiếu ngày thì lúa non sẽ dễ làm hạt cốm bết vào vỏ trấu, và nhão mất ngon.

Đầu tiên người làm cốm phải tuốt, nhặt, phân lúa thành từng loại. Lúa làm cốm ngon nhất phải là những hạt cúi bông. Lúa gặt hôm nào đem rang và giã luôn hôm đó. Rang lúa vừa lửa, hạt cốm chín tới, không giòn mà tróc trấu là công đoạn khó nhất trong nghề làm cốm. Giã cốm bằng loại cối riêng, nhíp chày nhịp nhàng, đều tay cốm mới mịn và dẻo. Cứ giã xong một mẻ lại sấy cho vỏ bay đi. Giã phải nhanh, thường khi phải mấy người trong nhà cùng làm mới bảo đảm cốm được dẻo mịn, nếu không sấy của hạt thóc nếp sẽ bết lại. Mùa cốm làng Vòng người ta vẫn nhớ, từ đầu đến cuối làng nhộn nhịp tiếng tuốt lúa, tiếng chày giã cốm, tiếng sàng sấy. Rơm nếp phơi trắng cả đường làng, nóc nhà, bờ tường.

Có nhiều nơi biết cách thức làm cốm, nhưng khác ẩm thực cho rằng không đâu làm được cốm dẻo và thơm, ngon được như ở làng Vòng, ngoại thành Hà Nội. Làng Vòng, ngày trước có tên là thôn Hậu, thuộc xã Dịch Vọng, huyện Từ Liêm, Hà Nội. Từ xưa xưa, làng Vòng đã nổi tiếng với đặc sản cốm: “*Cốm Vòng, gạo tám Mê Trì, Tương Bần, húng Láng còn gì ngon hơn!*”

Đầu đô thị hóa vẫn tìm thấy những hạt cốm nguyên bản

Ấy là hình ảnh 10 năm về trước, thu Hà Nội bấy giờ vẫn có cốm tươi gói trong lá sen, vẫn có cốm xào, bánh cốm, chè cốm... Nhưng làng Vòng không còn là làng Vòng thưở trước, vì cốm Vòng cũng đã ít nhiều phơi

phai. Làng Vòng nay đã thành phố xá tấp nập với các dịch vụ. Giá đất tăng cao nên mỗi nhà chỉ cần cắt ra bán một ít đất hay xây nhà cho thuê hoặc cung cấp dịch vụ cho sinh viên ở các trường đại học xung quanh cũng để có thu nhập cao hơn. Dân làng Vòng giờ không còn mấy lưu luyến gì nghề làm cốm tốn nhiều mồ hôi nũa. Diện tích trồng lúa của làng cũng còn lại rất ít vì được trưng dụng để làm các công trình công cộng.

Thức khách thì vẫn nhớ hương vị cốm tươi mỗi thu về và sẵn sàng mua với giá cao, nhưng tìm được cốm nguyên vẹn vị xưa cũng cần sự kiên nhẫn. Hiếm còn gia đình nào ở làng Vòng làm cốm theo cách đúng như trước nữa, phần lớn người ta mua gom lúa nếp từ các tỉnh lân cận về gia công và thực hiện theo cách công nghiệp hoá với mức giá.

Nhưng vẫn còn những nông dân duy trì cách làm cốm truyền thống, họ tự hào vì vẫn giữ được nghề của ông bà ta để lại dù không lãi lời như làm theo cách công nghiệp. Rất nhiều điều tốt đẹp vẫn ối lại với cuộc sống của chúng ta dẫu làng quê bị đô thị hóa. Sáng sáng xuôi trên phố Quán Thánh, Phan Đình Phùng, Hàng Ngang, Hàng Đào... vẫn không khó để tìm mua được những hạt cốm nguyên bản.

Dầu sao đi nữa thì cứ mãi độ tiết thu về, đi qua vùng nông thôn hay nông thôn, gặp những cánh đồng xanh thơm mát mới bông lúa nếp non, người ta lại như được báo trước mùa về của một thứ quà thanh nhã và đặc biệt mà Thán Nồng đã ban tặng riêng cho người Việt, nước Việt đó là Cốm. Cốm mang tất cả sự mộc mạc, thanh khiết của đồng nội và sự công phu của bàn tay người Việt...

Biết nói chuyện là tu dưỡng, biết giữ miệng là giáo dưỡng

EPOCH TIMES

Trương Sưởng, quan lớn đời Tây Hán, là một người si tình, vô cùng yêu thương vợ. Hằng ngày ông đều vui lòng hạ mình, chẳng nghĩ đến địa vị tôn quý của ông để về lòng mây cho vợ.

Kỹ thuật về lòng mây của ông rất điều huyền, bởi thể bộ lòng mây mà ông vẽ cho vợ trông như rừng núi xanh nối tiếp, yêu kiều thướt tha.

Nhưng cũng có người thấy chương mắt với hành vi của ông, cảm thấy ông về lòng mây cho vợ là làm hỏng thuần phong mỹ tục, do đó đã tố cáo với Hán Tuyên Đế, muốn hoàng thượng lột cái mũ ô sa của ông, để “khuôn chính thể phong” (quy chỉnh phong tục thế gian).

Một hôm, Hán Tuyên Đế thiết triều, trước mặt quần thần, ông hỏi Trương Sưởng về việc này.

Không ngờ, Trương Sưởng không hề kinh sợ, điềm nhiên ung dung tự tại trả lời rằng: “Niêm vị khuê phòng, có người còn ham hơn cả về lòng mây”.

Hán Tuyên Đế không có lời nào để đối đáp, đành bỏ qua.

Chỉ một câu nói nhẹ nhàng là đã vượt qua được Hán Tuyên Đế. Sau này câu chuyện “Trương Sưởng về lòng mây” chính là người như thế. Đường thời, bản thân Trương Sưởng cũng được ban tằng nhả hiệu “Thái thú về lòng mây”.

Trương Sưởng nói đúng, trong khuê phòng còn có những chuyện thân mật

hơn về lòng mây. Ông là bề tôi, chỉ cần tận trung giữ đúng chức phận là được rồi, còn chuyện niềm vui khuê phòng của ông và vợ hoàn toàn là chuyện đời tư, không phải báo cáo với bất kỳ người nào, dẫu thiên tử cũng không quán được.

Đúng như Romain Rolland, nhà văn Pháp, người từng được giải Nobel, nói rằng: “Trong đây lòng mới người đều có một đảo nhỏ chốn vui kỷ ức, vĩnh viễn không mở ra cho người khác thấy”.

Con người ai cũng có chuyện riêng tư, đã là riêng tư thì có nghĩa là không muốn người ngoài biết. Do đó, người biết tôn trọng người khác không tùy ý hỏi han chuyện đời tư người khác. Đồng thời, khi có người đem chuyện riêng tư ra nói với họ thì họ sẽ biết giữ mồm giữ miệng, bảo vệ chuyện riêng tư của người khác.

Do đó, người biết tôn trọng người khác không tùy ý hỏi han chuyện đời tư người khác.

Tôn trọng khi người khác tín nhiệm bạn

Học giả Tư Mã Quang đời Bắc Tống chính là người như thế. Đường thời, trong triều có một đại thần tên là Hàn Khắc, là quan đồng triều với Tư Mã Quang, hai người kết giao thân thiết.

Một lần, Hàn Khắc phát



EPOCH TIMES

nữ nữ cười tươi như hoa.

Nhưng sau đó Hàn Khắc nghĩ lại, chuyện xấu trong gia đình đã bị người ngoài là Tư Mã Quang biết, ngộ nhớ Tư Mã Quang lan truyền ra thì mình không biết giấu mặt vào đâu. Vì vậy, Hàn Khắc một mặt cảm ơn Tư Mã Quang trợ giúp, mặt khác lại rất lo lắng Tư Mã Quang sẽ lan truyền chuyện xấu gia đình mình, làm bại hoại thanh danh của ông.

Nhưng thời gian rất lâu sau, Hàn Khắc không thấy bất kỳ vị đại thần nào trong triều bàn tán về chuyện con trai ông. Lúc này ông mới thấy rõ ông đã lấy bụng tiểu nhân để đo lòng người quân tử.

Giữ bí mật cho người khác chính là giữ nhân phẩm cho mình

Nếu bạn không quán được cái miệng mình, đem bí mật người khác nói ra, thì bạn đang chà đạp nên sự tôn trọng và tín nhiệm của người đó, khiến bạn trở thành kẻ xa lạ không đáng tin cậy.

Khi có người đem chuyện thân sự của họ thổ lộ cùng bạn, có nghĩa là họ coi bạn thực sự là người tri kỷ, sẽ giữ bí mật cho bạn. Giữ bí mật cho người khác chính là giữ thanh danh cho họ, là giữ nhân phẩm cho mình. Và quan trọng hơn là giữ được mối quan hệ tốt đẹp giữa hai người.

Hoàng Mai biên dịch



JAMESTOWN-YORKTOWN FOUNDATION

Những du khách nhỏ tuổi thích thú với ngôi làng người bản địa Powhatan, nơi nằm trên những phát hiện khảo cổ học, tại Jamestown Settlement.

đứng trên luật pháp; và cuối cùng là việc thành lập chính phủ đại diện dựa trên châm ngôn 'chính phủ của những người tự do dựa vào sự đồng thuận' của những người [muốn] được cai quản.”

Một cuộc hành trình khác trên Jamestown

Chỉ cách đi tích Lịch sử Jamestowne một đoạn ngắn là bảo tàng Jamestown Settlement.

Với không gian triển lãm rộng 30,000 feet vuông, bảo tàng Jamestown Settlement thực sự có phần choáng ngợp. Đây là các trưng bày và triển lãm về các nhân vật như John Smith, Pocahontas, và Nathaniel Bacon của “Cuộc nổi dậy của Bacon” danh tiếng, tất cả xoay quanh sáu chủ đề chính: Trước Jamestown, Ba nền văn hóa, Công ty Virginia của London, Thành lập Jamestown, 1619, và Jamestown 1699. Dioramas và những bộ phim ngắn xen lẫn các đồ vật lịch sử và tranh vẽ cho phép du khách đắm mình vào lịch sử của thuộc địa này.

Các bảo tàng mà họ đại diện chứng minh cho du khách thấy sự phức tạp của lịch sử, những sắc thái của quá khứ thường bị đánh mất trong các cuộc tranh luận ngày nay về lịch sử và văn hóa. Như ông Givens đã nói với tôi vài lần trong cuộc trò chuyện với ông ấy, “Hãy nói mọi người đến đây và xem Hoa Kỳ bắt đầu từ đâu.”

Tự hào là một công dân Hoa Kỳ

Trong suốt cuộc đời của mình, tôi đã đến thăm nhiều bảo tàng ở những nơi như Rome và Paris, New York, Boston, và Washington D.C., nhưng không có bảo tàng nào ảnh hưởng đến tôi mạnh mẽ như Jamestown. Nơi đây, trên bán đảo Virginia này, bắt đầu lịch sử của đất nước chúng ta. Đây là những người đã qua đời từ lâu – người Âu Châu da trắng, người Phi Châu da đen, người dân Hoa Kỳ bản địa – câu chuyện của họ là câu chuyện của chúng ta.

Chiều muộn hôm đó, chúng tôi rời Jamestown, nhưng Jamestown không rời bỏ tôi. Sự khởi đầu của Hoa Kỳ đã làm sống lại niềm tự hào trong tôi về tổ quốc của chúng ta và khôi phục niềm tin của tôi vào lý tưởng của nó.

Đêm đó, lần đầu tiên trong nhiều tháng, tôi chìm vào giấc ngủ say chìm đắm trong tình yêu đất nước.

Ghi chú:

Nếu quý vị không thể thực hiện chuyến đi đến Jamestown và đặc biệt là nếu quý vị đang dạy cho những người trẻ tuổi, dù ở nhà hay trong lớp học, tôi khuyến khích quý vị khám phá các trang web về Historic Jamestowne và Jamestown Settlement. Ở đây quý vị sẽ tìm thấy lịch sử, bản tin trên web, bài giảng, phòng trưng bày và nhiều tài nguyên giáo dục khác.

Jeff Minick có bốn người con và một trung đội cháu đang độ tuổi phát triển. Trong 20 năm, ông đã dạy lịch sử, văn học và tiếng Latin cho các cuộc hội thảo của học sinh giáo dục tại nhà ở Asheville, North Carolina. Ngày nay, ông sống và viết trên Front Royal, Virginia. Hãy xem trang JeffMinick.com để theo dõi blog của ông.

Chân Như biên dịch

Jamestown: Nơi khởi nguyên của lịch sử Hoa Kỳ

JEFF MINICK

Ông Dave Givens, giám đốc khảo cổ học tại khu di tích lịch sử này cho biết, “Jamestown là khởi nguyên của lịch sử Hoa Kỳ, và Yorktown là điểm kết thúc.”

Ông Givens, người mà tôi đã phỏng vấn trong chuyến thăm gần đây tới thuộc địa Anh đầu tiên của Hoa Kỳ, muốn nói rằng Jamestown là khu định cư lâu dài đầu tiên của người Anh ở Tân Thế Giới, và Yorktown gần đó, nơi binh sĩ Hoa Kỳ và Pháp đánh bại quân đội của Lãnh chúa Cornwallis, là trận chiến đã thành lập nước cộng hòa của chúng ta.

Trong hơn một thế kỷ, các nhà khảo cổ đã khám phá Jamestown. Ông Givens và các đồng nghiệp của mình đã dành vô số giờ đào hồ để đào sâu vào lòng đất ở đây, khai quật bí mật của những người Anh định cư và thổ dân Hoa Kỳ – những người đã trao đổi hàng hóa và chiến đấu khốc liệt – và những nền văn hóa pha trộn của họ có thể được tìm thấy trong các hiện vật họ để lại.

Bảo tàng khảo cổ học

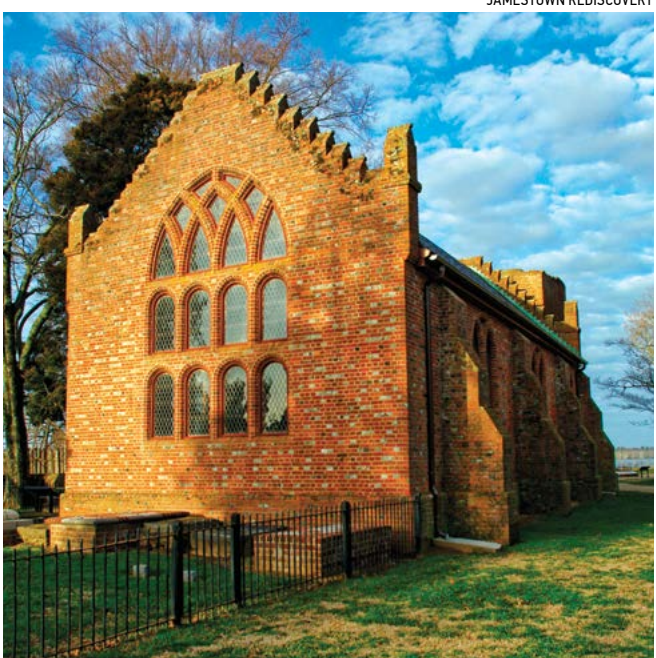
Bảo tàng mà ông Dave Givens và những người tiên nhiệm của ông đã thành lập, Nathalie P. & Alan M. Voorhees Archaearium, chỉ trưng bày một phần nhỏ trong số hơn 3 triệu hiện vật lấy từ lòng đất của khu định cư này: áo giáp, kiếm, các bộ phận của vũ khí khác, đồ trang sức, mảnh vỡ của đồ gốm và những ống đất sét, và vô số đồ vật khác. Ví dụ, tôi thấy ở đây có một mảnh đá, trên đó một số người dân thuộc địa nào đó đã vạch những hình vẽ và chữ viết: một cái cây, một người dân ông mặc váy thế kỷ 17, bốn huy hiệu sư tử, những con số và “Abraham”.

Khi tôi đi lang thang qua khu



JAMESTOWN REDISCOVERY

Bảo tàng trưng bày các hiện vật được lấy từ khu Jamestown.



JAMESTOWN REDISCOVERY



JAMESTOWN-YORKTOWN FOUNDATION

Nhà thờ Tưởng niệm năm 1907. Các cuộc khai quật gần đây trong nhà thờ đã diễn ra để tìm hiểu thêm về nhà thờ năm 1617, nơi họp Đại hội đồng đầu tiên của Anh ở Bắc Mỹ.



JAMESTOWN-YORKTOWN FOUNDATION

Khách tham quan bên trong hàng rào gỗ hình tam giác của Pháo đài James năm 1610–14 được tái tạo, tại Jamestown Settlement. Công trình tái tạo này giới thiệu các cấu trúc truyền thống với mái tranh.

Bên trong bảo tàng Jamestown Settlement.



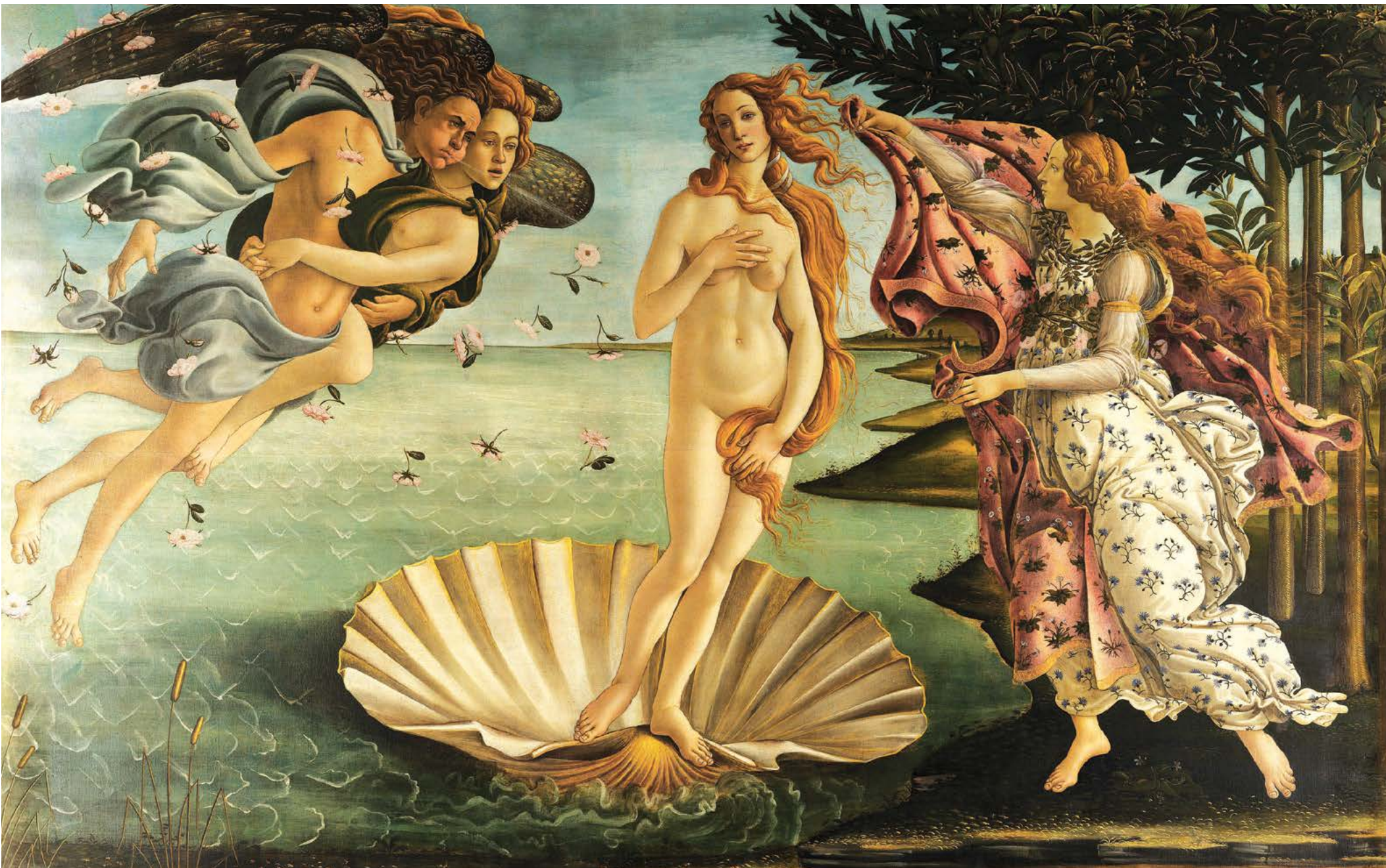
JAMESTOWN-YORKTOWN FOUNDATION

Các bản sao kích thước như thật của ba con tàu – Susan Constant, Godspeed và Discovery.



JAMESTOWN REDISCOVERY

Nhà khảo cổ học Mary Anna Hartley làm việc tại khu vực Nhà thờ Tưởng niệm.



PUBLIC DOMAIN

“Sự ra đời của Thần Vệ Nữ”, 1486, Sandro Botticelli. Phòng trưng bày Uffizi, Florence.

NGHỆ THUẬT PHỤC HƯNG

Kiệt tác của Botticelli: ‘Sự ra đời của Thần Vệ Nữ’

MANFRED VON PENTZ

Kỷ nguyên Gothic, một kỷ nguyên có đầy sự huyền diệu và bí ẩn mà đến ngày nay vẫn chưa được hiểu rõ, khởi đầu cho sự tái sinh của một thời kỳ tráng lệ. Tất nhiên, sự tái sinh đó chính là thời kỳ Phục Hưng vốn đã khám phá những nền văn hóa vĩ đại của tổ tiên chúng ta, như Hy Lạp và La Mã, cũng như làm tỏa sáng các châm ngôn của Chúa Jesus. Và từ đó, những văn hào lỗi lạc đầu tiên của Cơ Đốc giáo đã bước lên vũ đài, và Chủ nghĩa Nhân văn ra đời.

Những nhân vật nữ chính gây xôn xao như nàng thơ Laura của Petrarch và Beatrice của Dante đã làm say đắm trái tim của giới tri thức nước Ý và những nước khác. Từ đây, vị thế của phái yếu được nâng lên. Nhờ những thi sĩ trữ tình mà người phụ nữ vươn đến những mong tưởng cao quý, có thể nói là gần với sự thánh khiết. Giờ đây, các công tước, giáo hoàng, bá tước và lãnh chúa, tất cả đều ý thức được vẻ đẹp và sự thanh tao của người phụ nữ, nên thường nhờ những vị học giả danh giá chỉ dạy cho vợ, con gái, và tình nhân của họ.

Nếu trước đây những người giàu có thể tự hào phô trương về lòng lý bên ngoài của các quý cô, thì giờ đây họ lại say mê theo đuổi những quý cô có thể đọc được bản gốc các tác phẩm của Aristophanes, người có thể say sưa cùng họ đàm luận về những điều còn hoài nghi và những chân lý, bên ly rượu Montepulciano tuyệt hảo.

Do đó, ngài Lorenzo, người đứng đầu thành phố Florence vào thời đó, đã có một quyết định tuyệt vời nho nhỏ là một ngày nào đó sẽ ban tặng vinh hạnh đời đời cho một thiếu nữ vô cùng khá ái. Ông đã giao phó việc này cho một người mà ông bảo trợ, họa sĩ Sandro Botticelli, và để [giúp ông] tỏ vẻ điêu dó bằng tình yêu sâu lắng và trí tuệ sắc sảo. Nhưng một thói quen vào thời này, Sandro đã đến gặp

một người bạn thân thiết để tìm một số ý tưởng.

Bây giờ, tôi đoán chắc rằng người bạn này của ông chính là nhà nhân văn và thi sĩ đáng kính Leon Battista Alberti. Thời gian trôi qua, họ đã tạo ra một bức tranh gây kinh ngạc với trần đầy cảm xúc và hàm chứa nhiều triết lý, làm nền tảng cho một tác phẩm nghệ thuật đẹp nhất thế giới. Kiệt tác “Sự ra đời của Thần Vệ Nữ” đã hình thành như thế.

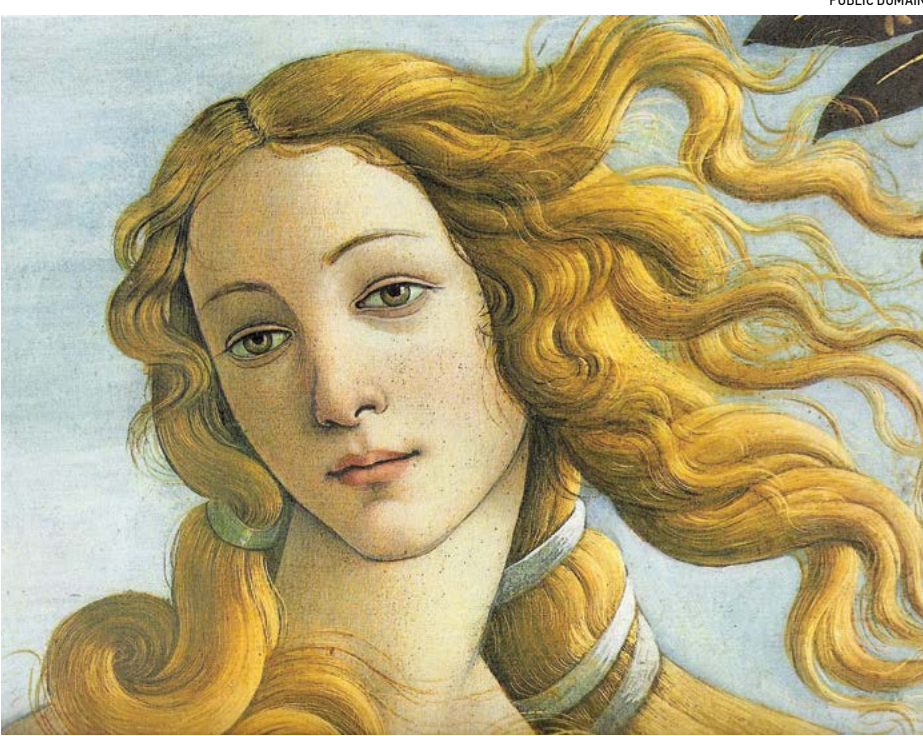
“Sự ra đời của Thần Vệ Nữ”

Nữ Thần Tình yêu đứng trong một vó số lớn nằm sát bờ biển. Nàng vô cùng xinh đẹp, với mái tóc vàng lung linh và đôi mắt xanh lục nhạt. Dù khóa thân, nhưng nàng vẫn tỏa ra một vẻ đẹp trình nguyên và thuần khiết. Nàng che thân mình bằng mái tóc dài của nàng.

Bên trái Thần Vệ Nữ là một đôi thiên thần đang ôm chặt lấy nhau và khoắc lên mình một tấm vải màu xanh da trời. Họ bay trong mây với những đóa hoa hồng dài, và cả hai đều đang thổi không khí để tạo ra làn gió đưa nữ thần lên bờ. Ở đó, một phụ nữ trẻ đang chờ đón Nữ Thần. Có cảm một chiếc áo choàng được dệt tinh xảo, rõ ràng là có ý định khoắc nó cho Nữ Thần.

Ngoài vẻ đẹp ngoạn mục, bức tranh còn trở nên đặc đáo bởi tính biểu tượng. Các học giả thường coi các nhân vật phụ trong tranh là các vị Thần Hy Lạp. Tuy nhiên, chúng ta hãy nhớ rằng bức tranh chỉ được phát hiện vào năm 1815, mà không có bất kỳ tài liệu lịch sử nào ghi chép lại tên hoặc ý nghĩa của bức tranh, và quan trọng hơn là thời kỳ Phục Hưng Ý đã tạo ra những triết lý mới, kết hợp những tư tưởng từ thời cổ đại và trung đại. Tôi thấy hợp lý hơn khi cho rằng đôi thiên thần ở góc trái bức tranh có thể tượng trưng cho Đức Chúa Trời và Sáng Thế Chủ.

Từ trước đến nay, Sáng Thế Chủ chưa từng được thể hiện trong nghệ thuật Âu Châu với biểu tượng một người đàn ông và phụ nữ quấn chặt lấy nhau như thế, hơn nữa lại rất ăn



PUBLIC DOMAIN

Chi tiết khuôn mặt của Thần Vệ Nữ-trích đoạn trong bức tranh nổi tiếng của Sandro Botticelli.

Bức tranh không chỉ là một ví dụ vĩ đại về câu chuyện thần thoại Hy Lạp phi thường, mà thật ra còn là một trong những lý lẽ đẹp nhất cho giá trị của đức tin Cơ Đốc Giáo từng được nhận thức.

Người phụ nữ bên phải mà tôi thấy là đại diện cho nhân loại, nóng lòng được đón nhận nữ thần, để che chở, tôn vinh và bảo vệ nàng. Tại sao tôi lại khẳng định điều này? Bởi vì Tình yêu là món quà vĩ đại và kỳ diệu nhất mà Sáng Thế Chủ ban tặng cho loài người.

Con người thường hiểu lầm Tình yêu chỉ là một cảm xúc do nhục dục gây ra. Không, Tình yêu còn nhiều hơn thế nữa. Nó là một thái độ lý trí đối với cuộc sống, là sự bao dung, là một triết lý vĩnh cửu và thiên lý. Tình yêu dành cho những điều tốt đẹp; Tình yêu dành cho sự thật và công lý; Tình yêu đối với người

chịu nhiều đau khổ, người nghèo khó và người bị áp bức. Yêu cây cỏ, yêu một con bướm hay một buổi hoàng hôn... Tình yêu thường trẻ em; Tình yêu giữa nam và nữ. Tình yêu đối với tạo hóa, vạn sự vạn vật; và Tình yêu là thành tựu vĩ đại nhất của nhân loại, là chìa khóa cho một cuộc sống viên mãn và hy vọng vào một tương lai tốt đẹp hơn.

Nói cách khác, bức tranh không chỉ là một ví dụ vĩ đại về câu chuyện thần thoại Hy Lạp phi thường, mà thật ra còn là một trong những lý lẽ đẹp nhất cho giá trị của đức tin Cơ Đốc Giáo từng được nhận thức.

Vì vậy, Thần Vệ Nữ đứng ở đó, lòng được đón nhận nữ thần, để che chở, tôn vinh và bảo vệ nàng. Và tôi không thể tưởng tượng ra được một lời ngợi khen nào tuyệt vời hơn dành cho loài Nàng.

Manfred von Pentz trước đây làm việc trong lĩnh vực quảng cáo, thiết kế đồ họa và bất động sản. Hiện giờ ông là một nhà văn và họa sĩ, là tác giả của các tiểu thuyết như “Nữ thần màu đỏ thắm”. Tác phẩm nghệ thuật của ông có thể được tìm thấy tại ManfredVonPentz.net

Phương Du biên dịch

Tín ngưỡng chân thành tạo nên những kiệt tác tuyệt diệu



Trích đoạn bức tượng David bằng đá cẩm thạch của Michelangelo Buonarroti.

SHEN YUN

Nghệ thuật là kết tinh trí tuệ của nền văn minh nhân loại. Ngược dòng lịch sử, nguồn gốc của nghệ thuật thường liên quan đến tín ngưỡng. Khi tình cảm, tư tưởng của người nào đó quá mạnh mẽ, họ sẽ biểu đạt ra bằng tiếng hát, bằng hình ảnh, hoặc vũ đạo. Vào thời thượng cổ, con người có tâm ý chân thành kính ngưỡng đối với Thần linh vượt lên trên bất kỳ tình cảm nào khác, do đó, giai đoạn khởi nguyên của bất kỳ loại hình nghệ thuật nào của con người, chúng ta thường thấy nhất là các tác phẩm mô tả thiên quốc Thần Phật.

Chúng ta hãy men theo dòng sông dài lịch sử để nhìn lại, xem các nơi trên thế giới, để chứng kiến Thần Phật thần thông vô hạn đã triển hiện kỳ tích tại nhân gian như thế nào, người xưa thường phác thật tâm ra làm sao để sáng tạo nên nền nghệ thuật huay hoàng.

“Thần và ta đồng tại”

Hơn ba nghìn năm trước, vùng đất Trung Đông thăm đăm những cảnh tượng khiếp sợ. Vua Saul đang lãnh đạo người Israel chiến đấu với người Palestine. Trong số người Palestine có một tên khổng lồ rất mạnh là Goliath, không một dũng sĩ Israel nào có thể chống lại. Goliath mỗi ngày tại trận tiến la thét, máng chửi và không cho người Israel nào dám ra đối kháng với hắn. Hai bên giằng co bốn mươi ngày, một cậu thiếu niên chân cừu đến đưa thức ăn cho ba anh trai của mình là trong quân, khi nhìn thấy cảnh này, cậu nói: “Tôi muốn chiến đấu với Goliath”.

Các anh của cậu rất tức giận, họ không tin cậu có thể đánh bại được Goliath, họ nghĩ cậu em này nên đi chân cừu. Nhưng cậu thiếu niên không cho là đúng, cậu ta tin rằng mình sẽ đánh bại Goliath. Cậu ta nhặt nam châm sắt, cầm cung bắn đá lên và đi về phía kẻ khổng lồ. Khi Goliath nhìn thấy một thiếu niên gầy yếu đến thách thức mình, hắn không thể nhìn được cười và chế nhạo cậu bé không tự lượng sức mình. Chẳng thiếu niên bình tĩnh nói với Goliath: “Thần và ta đồng tại.” Anh ta bắn viên đá về phía Goliath, trúng giữa trán gã khổng lồ. Khi người Palestine thấy Goliath chết, họ lập tức chạy tán loạn. Cậu bé trở thành anh hùng của dân Israel và sau

này đã trở thành vua David yêu quý của người Israel.

2,000 năm sau khi vua David qua đời, người chịu trách nhiệm công trình ở Florence đã chào đón một khối đá với kết cấu tuyệt vời, người ta mời những nghệ sĩ tài hoa nhất trong thành phố và hy vọng rằng ai đó có thể chạm khắc khối đá này thành một tác phẩm nghệ thuật. Michelangelo, lúc đó 26 tuổi đang thời thăng hoa, đã nhận tâm thực thi công việc gian nan này.

Michelangelo đã dựng lên bức bình phong che chắn bốn mặt khối đá cẩm thạch, trong lúc làm việc ông cần bảo trì lực tập trung cao độ. Quá trình điều khắc gian nan hơn tưởng tượng, làm thế nào để khiến một khối đá to lớn như vậy thành một sinh mệnh? Michelangelo nhắm đi nhắm lại những đoạn trong Kinh Thánh trong tâm trí mình. Khi gặp chướng ngại trong công việc, trong nỗi ông liên tục xuất hiện những câu nói tràn đầy tín tâm của vua David: “Thần và ta đồng tại”. Ánh mắt khác hẳn, thần sắc kiên định ấy dần dần được hiện ra dưới đôi tay hữu lực của Michelangelo. Ông thấy niềm tin phát ra từ tâm đây lòng của David, thần nhiên không một chút sợ hãi, ẩn dưới đường nét cơ bắp. Michelangelo không ăn không ngủ, gần như không nhớ bất kỳ một trợ lý giúp sức nào, ông không chắc là người khác có hiểu được hình ảnh vua David xuất hiện trong tâm trí ông hay không.



Chân dung nhà điêu khắc Michelangelo Buonarroti (1475 –1564) được vẽ bằng phấn của Daniele da Volterra.

Người nghệ sĩ có phẩm chất đạo đức và tính tự giác cực cao, khi họ sáng tác ra tác phẩm cũng sẽ phát tán năng lượng quang minh thuần chính, có sức lay động lòng người.

ĐUÔI: Trích đoạn bức tranh “Duy Ma điên giáo đồ” của Lý Công Lân thời Tống.

Sau hơn hai năm, một tác phẩm nghệ thuật vô tiền khoáng hậu đã ra đời, người ta tin rằng đây là bức tượng David đẹp nhất từ quá khứ cho đến cả tương lai. Ban đầu người ta định đặt nó trên ban công nhà thờ, nhưng lại không nỡ đem tác phẩm hoàn mỹ như vậy đặt ở sân sau nên cuối cùng đã được đặt trước Tòa thị chính Florence cho đến tận bây giờ.

“Chúng sinh bệnh thì ta bệnh”

Khoảng 3,000 năm trước, ở thành Tỳ Da Li của Ấn Độ có một vị trưởng giả đức cao vọng trọng tên là Duy Ma Cật, ngài không xuất gia, nhưng tu hành tại gia. Khi các đệ tử của Thích Ca Mâu Ni và ông cùng tham thiền ngộ Đạo, họ thường chia sẻ các chứng ngộ Phật lý của mình, nhưng cuối cùng tất cả đều bị thuyết phục bởi các đạo lý cao hơn mà Duy Ma Cật giảng ra. Duy Ma Cật hiểu rõ thần thông, sự huyền diệu của thiên nhân, có thể giải thích rõ ý nghĩa quan trọng của giới luật và tọa thiền, cũng biết ý nghĩa chân thực của “không”, hơn nữa có thể diễn đạt điều đó bằng ngôn ngữ thích hợp nhất để giảng giải những điểm mê trong tâm của các đệ tử Thích Ca Mâu Ni.

Một ngày nọ, Duy Ma Cật bắt gặp bệnh. Phật Thích Ca Mâu Ni bảo Văn Thù Sư Lợi đến thăm. Sau khi Văn Thù Sư Lợi đến nơi ở của Duy Ma Cật, ông hỏi: “Sự tu hành của ngài không thành công sao? Làm sao người tu hành thành công lại sinh bệnh như vậy?”. Duy Ma Cật đáp: “Tôi bị bệnh đã lâu, bệnh bắt nguồn từ chấp trước si ái, tôi nhìn thấy tất cả chúng sinh đều bị chấp trước si ái mà sản sinh đau khổ, khổ nạn của chúng sinh đã trở thành bệnh của tôi, nếu ngày nào đó chúng sinh thoát khỏi khổ nạn thì bệnh của tôi có thể khỏi.” Sau khi nghe Văn Thù Sư Lợi như có được sở ngộ. Sau đó, Duy Ma Cật lại vì Văn Thù mà giải thích hàm nghĩa của “không” và “bất nhị pháp môn”, cuộc trò chuyện dần nhập mỹ cảnh, Văn Thù Sư Lợi nghe xong nhập thần, muốn tiếp tục truy tìm đạo lý cao thâm hơn nữa thì Duy Ma Cật đột nhiên im lặng không nói, Văn Thù Sư Lợi trong tính lặng đặc ngộ Phật lý, trong một sát na, trời giáng mưa hoa.

Câu chuyện này đã được ghi lại trong “Duy Ma Cật Kinh”, sau khi “Duy Ma Cật Kinh” truyền nhập Trung Nguyên được phiên dịch thành Hán văn, đoạn đối thoại này đặc biệt xúc động lòng người, tâm đại từ bi “xả kỷ vi nhân” (bỏ mình vì người) trong tư tưởng văn hóa Hoa Hạ tiến một bước phổ biến rộng rãi. Một số người bắt đầu vẽ chân dung Duy Ma Cật, trong đó có một vị đại danh họa trong lịch sử Trung Quốc – Cổ Khải Chi.

Vào năm Hưng Ninh thứ hai của triều đại Đông Tấn, Cổ Khải Chi còn trẻ chưa thành danh, được biết thành Kim Lăng đang quyền góp để xây dựng Ngõa Quan Tự, nhưng mà đại quan của Kim Lăng không ai nguyện ý quyền góp hơn 10 vạn tiền, thế là ông đã phát nguyện vì Ngõa Quan Tự mà trừ tính cho được 100 vạn tiền. Cổ Khải Chi nói với hòa thượng trong chùa rằng: “Xin các thầy hãy chuẩn bị một bức tường để con vẽ tranh!” Sau đó, Cổ Khải Chi bề môn bát xuất một tháng, tập trung vào vẽ. Cổ Khải Chi luôn cho rằng cần hiểu rõ tính cách tư tưởng của nhân vật mới có thể vẽ ra thần thái, mà vẽ tranh cần phải giống như thật chính là điều quan trọng nhất, vẽ xuất ra thần thái sống động thì bước trọng yếu nhất là “điểm nhãn”. Việc điểm nhãn không

thể tùy tiện mà điểm, bởi một khi điểm nhãn lên tranh, chân dung sẽ có linh hồn. Vì vậy, khi ông vẽ tranh thì điểm nhãn luôn là lúc sau cùng, mỗi một lần đều thấp phẩn thận trọng, chỉ sợ điểm không tốt, một bức chân dung sẽ có một linh hồn bất chính, vẽ chân dung của Duy Ma Cật càng phải như vậy. Vì Cổ Khải Chi từ lâu đã nằm lòng lời đối thoại trong “Duy Ma Cật Kinh”, và bản thân cũng đã lĩnh hội được Phật lý trong lời giảng của ngài Duy Ma Cật, cho nên Cổ Khải Chi rất tự tin vào việc “điểm nhãn” cho bức tranh này. Nhưng cho hòa thượng trong chùa công bố với mọi người, người muốn đến xem chân dung Bồ Tát Duy Ma Cật, ngày đầu tiên phải quyền góp 10 vạn tiền, ngày thứ hai là 5 vạn tiền, đến ngày thứ ba thì tự quyền góp một ít tiền, như vậy, mọi người truyền miệng lẫn nhau, tranh nhau đến xem, Ngõa Quan Tự rất nhanh gom góp được 100 vạn tiền, thanh danh Cổ Khải Chi lan truyền kể từ đó. Bức tranh Bồ Tát Duy Ma Cật này quả thực ngàn vàng khó đổi, nhưng điều đáng quý hơn là một tấm lòng hướng thiện lễ Phật của người họa sĩ. Bức tranh này tuy không còn tồn tại nữa, nhưng chúng ta vẫn có thể hình dung ra phong thái xưa kia qua ngòi bút của thi sĩ Đỗ Phủ thời nhà Đường: “*Khẩn họa tăng cơ khát, truy tụng hận miếu mang. Hồ đầu Kim Túc ảnh, thần diệu độc nan vong.*” (Tạm dịch: Xem tranh mà đôi khát, truy vết hận một mùa. Kim Túc hùng dũng tương, thần diệu nhất khó quên).

Nhiều tác phẩm nghệ thuật đạt đến đỉnh cao trong lịch sử đều được bày ra trong điện đường, chẳng hạn như các tác phẩm điêu khắc trong đền Parthenon ở Hy Lạp, tỷ lệ cơ thể con người hoàn mỹ và những nếp y phục rất sống động khiến người ta kinh ngạc mà tán thán; ví dụ như các bức tranh khảm trong các giáo đường Âu Châu. Ánh sáng mặt trời xuyên qua màu sắc bức tranh Kinh Thánh, như là Thánh quang chiếu sáng mọi nơi; ví dụ như những bức tượng Phật lộng lẫy ở động Đôn Hoàng, dung mạo trang nghiêm của Đức Phật được người dân khắp nơi đến thăm viếng, tâm lòng thành của người thợ thủ công được ghi nhớ qua năm tháng. Tại thời cổ đại, người sinh ra đã có nghệ thuật thiên phú là được Thần ban tặng cho người có phúc, họ cũng sẽ dùng tài năng thiên phú của mình để dâng tặng Thần, tán tụng Thần, mà họ rất ít khi dùng tài năng này để mưu phúc, thu lợi cho mình, hay danh vọng. Những tác phẩm nghệ thuật được sáng tạo ra từ tâm vô tư chân thành, thông thường không bị ảnh hưởng bởi dòng thác thời đại và sẽ tồn tại mãi mãi.



Một bức vẽ các tiên nữ đang chơi các nhạc cụ truyền thống trong hang động Đôn Hoàng, tỉnh Cam Túc, Trung Quốc.

Các thành viên của Đoàn Nghệ thuật Shen Yun cũng có tín ngưỡng thật vững chắc. Họ tu luyện pháp môn Phật giáo thượng thừa “Pháp Luân Đại Pháp”. “Pháp Luân Đại Pháp” yêu cầu tu luyện 5 bài công pháp cải biến bản thể, đồng thời yêu cầu tâm tính đạt đến “Chân-Thiện-Nhân”. Sở dĩ Đoàn Nghệ thuật Shen Yun có thể đạt được chuẩn mực điển xuất đứng đầu thế giới cùng với tinh thần tu luyện tự giác là không phân khai. Đây là một trong chín đặc điểm khác biệt của Shen Yun so với các đoàn biểu diễn khác của con người đối với Thần đã cảm rõ sâu vào sinh mệnh, người người vì tín ngưỡng mà kính sợ, vì kính sợ mà nghe theo Thần cảnh báo mà không làm điều ác. Người nghệ sĩ có phẩm chất đạo đức và tính tự giác cực cao, khi họ sáng tác ra tác phẩm cũng sẽ phát tán năng lượng quang minh thuần chính, có sức lay động lòng người.

(Đang lái theo sự cho phép của Shen Yun, bản quyền thuộc về Đoàn nghệ thuật Biểu diễn Shen Yun)

Lê Trần biên dịch



Tranh vẽ “Diogenes.” của John William Waterhouse, vẽ năm 1882. Tranh sơn dầu trên vải, kích thước 82x53 inches. Phòng trưng bày nghệ thuật New South Wales, Sydney, Australia.

Diogenes và sự truy tìm chân lý

Những gì nghệ thuật truyền thống đem lại cho tâm hồn

ERIC BESS

Đôi khi, trong những dịp hiếm hoi, tôi ngồi và suy ngẫm về ý nghĩa sự tồn tại của bản thân mình. Tôi là ai?

Tôi thờ loại bỏ tất cả những cá tính và đặc điểm mà tôi nhận thấy về bản thân mình và thử xem liệu tôi có thể vẫn là chính mình mà không có chúng hay không. Trong hầu hết các lần như vậy, tôi thấy rằng mình có thể. Tuy nhiên, tôi không thể tìm thấy bản thân mình nếu không có tình yêu với nghệ thuật. Điều gì đó từ nghệ thuật cho tôi biết rằng tôi có thể là một sinh mệnh sống trên quả địa cầu đang trôi dạt này mà không ta gọi là Trái Đất.

Tôi tin rằng mối quan tâm về sự chân thực của mình là điều mà rất nhiều người trong chúng ta cũng đã từng bắt gặp vào một thời điểm nào đó trong đời. Sự chân thực có nghĩa gì đối với tôi? Nó có ý nghĩa gì đối với quý vị?

Tôi bắt gặp một bức tranh tuyệt vời của John William Waterhouse được gọi đơn giản là “Diogenes.” Khoảng 2,500 năm trước, Diogenes, cũng giống như một số người trong chúng ta, là một người rất quan tâm tới sự chân thực.

Diogenes là ai?

Phải nói rằng Diogenes là một nhân vật rất thú vị. Có rất nhiều câu chuyện được tạo dựng kể về những hành vi không bình thường của ông.

Niềm tin và sự thực hành đã đưa ông đến với trường phái Cynics (Chữ Nghĩa Hoài Nghi), vốn đã trở thành một triết lý thúc đẩy việc theo đuổi chân lý hơn là các quy ước xã hội. Triết lý này khác với những người hoài nghi hiện đại, vốn luôn duy trì cái nhìn bi quan về cuộc sống trong sự hoài nghi của họ về mọi người và mọi thứ. Chữ nghĩa hoài nghi truyền thống theo đuổi chân lý và đạo đức một cách mạnh mẽ và đề cao ba loại tự do: tự cung tự cấp, tự do ý chí, và tự do ngôn luận.

Diogenes trở thành một người sống tự cung tự cấp bằng cách thực hành một cuộc sống khổ hạnh; ông cho tôi biết rằng tôi có thể là một sinh mệnh sống trên quả địa cầu đang trôi dạt này mà không ta gọi là Trái Đất.

Tôi tin rằng mối quan tâm về sự chân thực của mình là điều mà rất nhiều người trong chúng ta cũng đã từng bắt gặp vào một thời điểm nào đó trong đời. Sự chân thực có nghĩa gì đối với tôi? Nó có ý nghĩa gì đối với quý vị?

Tôi bắt gặp một bức tranh tuyệt vời của John William Waterhouse được gọi đơn giản là “Diogenes.” Khoảng 2,500 năm trước, Diogenes, cũng giống như một số người trong chúng ta, là một người rất quan tâm tới sự chân thực.

tôi hơn là điều không cần thiết.

Theo cuốn “Cuộc đời của các triết gia lỗi lạc” của nhà viết sử Hy Lạp cổ đại Diogenes Laertius (không nên nhầm lẫn với chủ đề cùng tên), Diogenes “thường nhấn mạnh rằng các vị thần đã ban cho con người phương tiện để có một cuộc sống dễ dàng, nhưng điều này đã bị che khuất, vì chúng ta đòi hỏi bánh mì phải có mật ong, thuốc [thuốc mồi] và những thứ như thế.” Diogenes nghĩ rằng trở trêu thay, chính sự truy cầu được thoải mái của chúng ta có lẽ đã ngăn cản chúng ta thực sự sống thoải mái.

Tự do ý chí bao gồm việc theo đuổi đạo đức và chân lý. Diogenes sẽ gặp gỡ mọi người trong ánh sáng ban ngày, soi đèn vào mặt họ và tuyên bố rằng ông đang tìm kiếm một con người đích thực.

Tự do ngôn luận bao gồm cả khả năng nói một cách trung thực mà không sợ bị trừng phạt. Diogenes được biết đến vì việc ông nói bất kỳ điều gì ông muốn nói với bất kỳ ai mà ông muốn. Ông sẽ chằm chọc mọi người, kể cả triết gia vĩ đại Plato hay Alexander Đại Đế bằng những nhận xét dí dỏm.

Thực hành trí tuệ là mục tiêu của Diogenes – thay vì chỉ nghĩ nhiều về nó như các triết gia thường làm – và sự tự do thực sự của đạo đức chính là nền tảng của mục tiêu đó.

Thuần Thanh biên dịch

Hoa cúc

Biểu tượng của sức mạnh và sự bền bỉ

CORA WANG

Khi mùa thu sẽ lạnh đang đến, cũng là lúc cây cối cũng bắt đầu mất đi sức sống và trở nên héo úa. Thế nhưng có một loài hoa đặc biệt xuất hiện: Hoa cúc. Khi vạn vật xung quanh dần trở nên lụi tàn bởi những cơn gió lạnh thì cũng là lúc loài hoa kiên cường này bắt đầu nở.

Từ xa xưa, hoa cúc đã được các văn nhân và học giả ngưỡng mộ, là nguồn cảm hứng bất tận cho vô số bài thơ, câu chuyện và tác phẩm nghệ thuật. Bên cạnh việc ca ngợi vẻ đẹp, họ còn ca tụng hoa cúc như một biểu tượng của sức sống và sự bền bỉ.

Nguồn gốc của sự khiêm nhường
Một trong những ví dụ đầu tiên trong thơ ca là thi phẩm nổi tiếng của nhà thơ Khuất Nguyên: “Ly tao” (Nỗi buồn ly biệt) – sáng tác thời Chiến quốc. Trong đó có câu:

*Ăn hoa rụng bên nhành thu cúc
Ưống sương sa dưới gốc mộc lan
(bản dịch của Nhưưng Tống)*

Chỉ trong một vài dòng, Khuất Nguyên đã truyền tải điều quan trọng không phải là sự giàu sang phú quý, mà là sự thuần khiết của trái tim.

Hoa cúc không kiêu sa nổi bật, chỉ bình dị khiêm nhường. Một tập sách về thảo mộc học viết vào thời nhà Minh là “Bản thảo cương mục” có ghi chép về nhiều loại hoa cúc khác nhau. Người ta tự hỏi: Làm thế nào mà một loại cây bình thường lại hàm chứa ý nghĩa văn hóa nhiều đến vậy?

Hoa cúc đặc biệt nổi bật vào thời nhà Tấn khi được Đào Tiềm coi như tri kỷ. Phần lớn thơ của ông mô tả những tháng ngày sống ẩn dật đơn sơ bình dị nơi thôn dã. Ông thường lấy cảm hứng từ vẻ đẹp và sự thanh bình của thiên nhiên, với hoa cúc là một nét điểm xuyết. Đào Tiềm viết trong bài thơ nổi tiếng “Âm từ kỳ 5”:

*Thái cúc đông ly hạ
Du nhiên kiến Nam sơn
(Hải cúc dưới giậu đông
An nhiên ngắm núi Nam)*

Thơ của Đào Tiềm thường gợi lên trong người đọc niềm khao khát về sự giản dị của lối sống thôn quê, tránh xa cuộc sống phồn phức náo nhiệt. Do đó, hoa cúc cũng trở thành biểu tượng của sự ẩn dật và một cuộc sống không bó buộc trong những thứ vật chất tầm thường.

Trái tim chính trực

Đặc điểm trên của hoa cúc được khác hoa rõ hơn trong văn học, chẳng hạn như truyện “Ngũ Sơ Tân Chi” viết vào thời nhà Thanh. Tác phẩm kể về một học giả tên là Cao Sân, vốn bị giới trí thức cùng thời coi là lập dị vì không

ham danh lợi, lại thường bất đồng với các học giả Nho giáo thịnh hành lúc bấy giờ. Cao Sân giữ một vẻ ngoài khiêm tốn nhưng lại được những người thân cận nhắc đến lòng tốt và sự chính trực. Ông luôn nhìn vào nội tâm để cải thiện bản thân, và thường âm thầm giúp đỡ người khác mà không cần báo đáp.

Cao Sân cảm thấy lạc lõng trước sự thay đổi của nhân tình thế thái và khao khát được tận hưởng sự tự do nơi thôn dã. Vì vậy, ông quyết định rời chốn đô thị náo nhiệt và cùng gia đình chuyển đến vùng núi. Trong nhiều năm,

ông sống một cuộc sống đơn giản giữa thiên nhiên. Mọi chuyện tốt đẹp cho đến khi một trận lụt bất ngờ phá hủy ngôi nhà của ông. Một lần nữa, ông buộc phải nghĩ đến sự phù du của cuộc sống.

Sau khi cân nhắc, Cao Sân nhận ra rằng lối sống an nhiên, bình dị không nhất thiết là phải tránh xa xã hội. Vì vậy, ông trở lại đô thị, tìm một mảnh đất trống ở trung tâm và xây ngôi nhà mới. Trong vườn, ông trồng 500 khóm hoa cúc. Khi mùa thu đến, khu vườn của ông nở rộ. Vẻ đẹp và hương thơm ngọt ngào của hoa cúc đã thu hút du khách từ khắp nơi trong vùng.

Cao Sân mở cửa khu vườn với hy vọng được chia sẻ óc đảo yên tĩnh của mình với mọi người. Tuy nhiên, ông chọn cách không xuất đầu lộ diện với khách. Khách văn không biết danh tính thực sự của vị chủ nhân bí ẩn, và gọi khu vườn bằng hai từ trên tấm biển gắn cửa: “Hoa Ân”, nghĩa là “án trong những bông hoa”. Câu chuyện này thể hiện tính cách xuất chúng của Cao Sân. Tình yêu của ông dành cho hoa cúc đã góp phần khiến loài hoa trở thành biểu tượng của sự chân chính cũng như tượng trưng cho sự ẩn dật và giản dị.

ALL PHOTOS FROM NATIONAL PALACE MUSEUM UNLESS NOTED OTHERWISE



Trong tranh, hoa cúc gợi lên một cảm giác trang trọng. Hoa cúc được miêu tả cùng với cam quýt và dưa, những thức quả tượng trưng cho đức hạnh và tài năng văn chương.

Thanh tao và thuần khiết

Trong nghệ thuật, Mai, Lan, Cúc, Trúc được gọi là “Tứ quý” hay “Tứ quý danh hoa”. Đây là chủ đề phổ biến trong tranh thủy mặc truyền thống. Các nghệ nhân bị thu hút không chỉ vì vẻ đẹp mà còn bởi chúng tượng trưng cho sự chính trực, thuần khiết và nhân nại. Trong suốt triều đại nhà Thanh, hoa cúc từng là “nàng thơ” của nhiều họa sĩ tài năng.

Một trong những nghệ nhân nổi tiếng nhất của triều đại nhà Thanh là Uẩn Thọ Bình. Ông được coi là một trong “Lục sư” của nhà Thanh; các tác phẩm của ông nổi tiếng với sự sống động và biểu cảm.

Uẩn Thọ Bình đã phổ biến lại kỹ thuật vẽ “mogu”, còn được gọi là “không nét phác thảo”. Đây là một kỹ năng rất khó thuần thục, vì người họa sĩ không vẽ đường phác thảo mà vẽ trực tiếp bằng mực hoặc màu. Mặc dù đó là một thử thách, nhưng lại giúp tác phẩm trở nên đẹp lạ thường, vì kỹ thuật này nắm bắt được sự tinh hoa của một cảnh hoặc vật thể.

Một danh họa thời nhà Thanh khác là Trâu Nhất Quế, người kế tục phong cách Thọ Bình. Ông là nghệ nhân trong triều đình và được biết đến với sự tỉ mỉ đến từng chi tiết, đặc biệt là trong những bức tranh hoa tuyệt đẹp. Trong cuốn sách “Tiểu sơn họa hổ”, ông giải thích các phương pháp và kỹ thuật cần thiết để cải thiện sự phối hợp của phong cảnh và hoa. Theo ông, một nghệ nhân giỏi không chỉ cần kỹ năng, mà phải thực sự hiểu và hòa hợp với chủ đề của mình. Điều này có nghĩa là người nghệ sĩ không chỉ đánh giá cao vẻ đẹp của những bông hoa, mà còn thực sự cảm nhận sự tinh hoa của thiên nhiên ở mức độ sâu sắc.

Một trong những bức tranh hoa cúc được ca ngợi nhất của Trâu Nhất Quế hiện đang được trưng bày tại Bảo tàng Cung điện Quốc gia ở Đài Loan. Bức tranh được vẽ bằng phương pháp mogu, mô tả những chùm hoa cúc rực rỡ nở giữa những chiếc lá xanh tươi tốt. Nhờ tô vẽ từng cánh hoa với hiệu ứng chuyển màu mềm mại, Trâu Nhất Quế mang đến cho bức tranh một cảm giác ba chiều sống động, khiến người xem tràn ngập cảm giác yên bình và thoải mái.

Mùa thu này, chúng ta hãy tìm một cuốn sách của các văn nhân xưa, pha cho mình một tách trà hoa cúc, ngồi bên cửa sổ ngắm nhìn cảnh vật đang thay đổi và thưởng thức những vần thơ thanh tao...

Bài viết này của tác giả Cora Wang và được dịch bởi Angela Feng sang tiếng Anh, được tái bản với sự cho phép của Tạp chí Elite.

Ngân Hà biên dịch



TRÁI: Trong bức tranh hoa cúc tinh tế này, Uẩn Thọ Bình sử dụng hiệu ứng chuyển màu trên từng cánh hoa, tạo cho những bông hoa một cảm giác sống động như thật; PHẢI: Trâu Nhất Quế khắc họa nét nổi bật tinh nhị nháng của hoa cúc bằng việc sử dụng các nét cọ mềm mại và màu phấn nhẹ nhàng.



Nhà thơ Đào Tiềm đang đi dạo qua núi và chiêm ngưỡng hoa cúc. Ông nổi tiếng với tình yêu đối với hoa, và thường đề cập đến hoa trong thơ mình. Tranh phong cảnh thủy mặc của họa sĩ Đỗ Cẩn. (Nguồn: Bảo tàng Metropolitan)



Dian Weicheng là một trong những danh họa vẽ hoa và phong cảnh hàng đầu của thế kỷ 18. Trong bức tranh sống động và chi tiết này, ông minh họa năm loại hoa cúc khác nhau.

Kiến trúc cổ điển Trung Hoa

một vũ trụ thu nhỏ

JUEXIAO ZHANG

Những kiến trúc chọc trời hiện đại kiêu hãnh tuyên bố sự ưu việt của nó so với nhân loại nhỏ bé chúng ta. Kiến trúc này không kết nối chúng ta với thiên đường, mà dường như nó muốn tuyên chiến với thiên thượng.

Trải qua hàng ngàn năm, dân tộc Trung Hoa đã phát triển phong cách kiến trúc của riêng mình. Dựa trên các nguyên lý của Đạo giáo và Phật giáo, nó phản ánh trí tuệ của người Trung Hoa về mối liên hệ mật thiết giữa trời, đất và con người. Nhật Bản, Đại Hàn và hầu hết các nước Á Châu đã sao chép phong cách kiến trúc này cho các công trình của họ.

Sự hài hòa giữa Thiên và Địa

“Kinh Dịch: Cuốn sách của những quy luật biến đổi” và nhiều cuốn sách khác viết rằng người xưa hành xử theo quy luật của trời, đất, thiên nhiên và thời gian trong năm. Triết lý của Đạo giáo dựa trên sự cân bằng, mà từ đó sinh ra thiên, địa, nhân.

Nho giáo gắn liền với nguyên tắc hài hòa giữa trời và đất. Tự nhiên là một đại vũ trụ và con người là một tiểu vũ trụ. Là một mô hình thu nhỏ của tự nhiên, một người cần phải sống và hành động theo quy luật của tự nhiên và vũ trụ.

Quan điểm truyền thống này được áp dụng cho tất cả các lĩnh vực trong đời sống của dân tộc Trung Hoa, bao gồm cả kiến trúc. Quan trọng hơn cả vị trí và công dụng thiết thực của nó, một công trình phải hài hòa với tự nhiên từ trong ra ngoài.

Các kiến trúc sư Trung Hoa cổ đưa các yếu tố của vũ trụ vào trong mọi công trình kiến trúc. Từ các hang động thô sơ và các tòa nhà đơn giản cho đến những công trình phức tạp, người ta luôn tìm thấy các yếu tố của vũ trụ được lồng ghép trong kiến trúc Trung Hoa. Một cách rất thiết thực, kiến trúc là một mô hình thu nhỏ của vũ trụ.

Hướng của la bàn

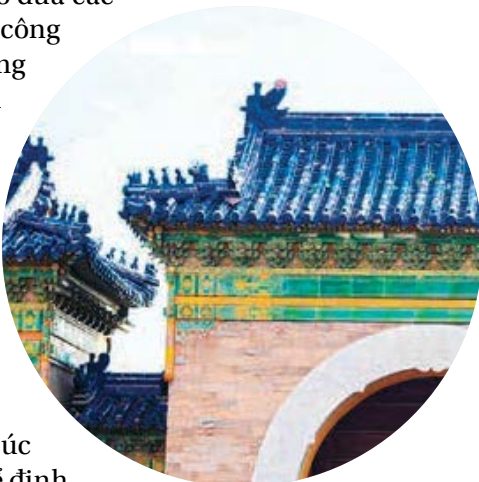
Tất cả các công trình kiến trúc Trung Hoa đều sử dụng la bàn để định hướng đông tây nam bắc. Các kiến trúc sư sử dụng những biểu đồ mà các nhà thiên văn học đã chuẩn bị trước. Không giống như các bản đồ ngày nay, trong bản đồ cổ, phía nam



“Dấu Củng” hay tổ hợp các cấu kiện gỗ đan cài vào nhau là một đặc điểm của ngôi nhà gỗ Trung Hoa truyền thống.



Ngôi màu vàng tô điểm các tòa nhà trong Tử Cấm Thành ở Bắc Kinh.



Kiến trúc ngói và gạch có tráng men xanh điểm trên một ngôi đền ở Bắc Kinh.



ALL PHOTOS BY SHUTTERSTOCK

Kiến trúc Trung Hoa cổ đã thể hiện nguyên tắc hài hòa giữa Thiên và Địa. Một ngôi chùa Thiên tông ở vùng núi.

ở trên, phía bắc ở dưới, phía tây bên phải và phía đông bên trái.

Dựa trên vị trí địa lý của Trung Hoa là ở Bắc bán cầu, người Trung Hoa tin rằng khí hậu dễ chịu, tức là đông ấm hạ mát của phía Nam, đến từ thiên đường. Do vậy, phía nam là hướng của tất cả các công trình.

Về tổng thể, kiến trúc sư thiết kế các bức tường ngăn cách ở phía bắc, phía tây, phía đông và lối vào đối diện với phía nam. Điều này giúp ngăn ngừa các kiểu thời tiết gây ảnh hưởng đến nhiệt độ trong nhà như gió bắc hoặc các điều kiện thời tiết bất lợi khác.

Để bảo vệ ngôi nhà khỏi các thảm họa thời tiết, tứ linh được đặt trên nóc nhà, như những linh vật bảo vệ của bốn phương. Huyền vũ được đặt ở phía bắc, chu tước ở phía nam, bạch hổ ở phía tây và thanh long ở phía đông.

Ngói lợp

Những viên ngói đầu tiên được làm bằng đất sét có niên đại khoảng 3,000 năm trước. Về sau, một hỗn hợp gồm cỏ hoàng lan (ngọc lan tây), đất sét và đá vụn được dùng để phủ lên các mái nhà. Rồi sau đó, ngói được gia cường bằng cách tráng men và chất làm bóng với nhiều sắc độ màu sắc khác nhau.

Các mái ngói được liên kết với nhau bằng đinh và thường được trang trí với các họa tiết động vật hoặc thực vật với ý nghĩa bảo vệ khỏi các thảm họa tự nhiên.

Các thiết kế đặc biệt được dành riêng cho nơi ở của hoàng đế, như mái ngói hoàng lưu ly với sắc vàng rực rỡ mà ngày nay vẫn có thể nhìn thấy trên các công trình trong Tử Cấm Thành ở Bắc Kinh. Hay như mái ngói bích lưu ly trên đền Thiên Đàn ở Bắc Kinh với màu xanh dương.

Gỗ: Vật liệu xây dựng chính

Gỗ là vật liệu xây dựng chính được sử dụng bởi các kiến trúc sư Trung Hoa. Gỗ có thể được khai thác dễ dàng từ nhiều khu rừng ở Trung Quốc. Gỗ là một vật liệu xây dựng tự nhiên được ưa chuộng bởi nó tỏa ra một mùi thơm dễ chịu trong nhà. Ngoài ra, thớ gỗ và độ bóng của nó mang lại một bầu không khí tự nhiên cho ngôi nhà. Đối với các kiến trúc sư, gỗ là một vật liệu xây dựng sống, có thể thở, hấp thụ và chống ẩm. Nhưng nó cũng có nhược điểm là dễ bắt lửa.

Hệ khung

Các kiến trúc sư Trung Hoa thường sử dụng hệ khung để xây nhà, vì nó mang lại nhiều lợi ích cho người xây dựng. Trái ngược với cấu trúc đặc chắc (bằng đá), hệ khung ngôi nhà gồm có dầm và cột để chịu tải tại một số vị trí nhất định. Phương pháp xây dựng này cho phép thiết kế các không gian có phòng rộng và mở.

Kiến trúc Trung Hoa thực sự hài hòa với cảnh quan và kết nối con người với thế giới và thiên đàng.

Hàn Mặc biên dịch

EPOCH
TIMES
TIẾNG VIỆT

www.etviet.com

CHÚNG TÔI ĐƯA
NHỮNG TIN TỨC
QUAN TRỌNG,
TRUNG THỰC VÀ
TRUYỀN THỐNG



EPOCH TIMES TIENG VIET

3 EASY WAYS TO SUBSCRIBE/Có thể đặt báo qua:

ONLINE: www.etviet.com

BY PHONE/Call:

(626) 618-6168
(714) 356-8899

BY MAIL :

Fill out the form to the right
and mail it to / Xin điền mẫu
bên cạnh và gửi đến:

Epoch Times Tieng Viet
10962 Main Street, Ste 101,
El Monte, CA 91731

Weekly print paper to your
home / Một tờ báo sẽ được
giao tận nhà mỗi tuần.

All subscriptions will continue
until you request to cancel /
Báo vẫn tiếp tục giao cho tới
khi khách hàng yêu cầu ngưng.

Yes, I'd like to subscribe for/Vâng, tôi muốn đặt báo:

☐ Normal delivery/Gửi thường (khoảng 6-7 ngày sẽ nhận được báo)

☐ 6 months for \$59

☐ 12 months for \$104

☐ Fast delivery/Gửi nhanh (khoảng 2-4 ngày sẽ nhận được báo)

☐ 3 months for \$45

☐ 6 months for \$89

☐ 12 months for \$175

NAME/Tên

PHONE/Số phone

ADDRESS/Địa chỉ

CITY/Thành phố

STATE/Tiểu bang

ZIP/Mã vùng

EMAIL

☐ PAY BY CHECK/Trả bằng chi phiếu
(Payable to /Trả cho: Epoch Times Tieng Viet)

☐ USE MY CREDIT CARD/Dùng thẻ tín dụng

☐ VISA

☐ MasterCard

☐ Discover

Card number/Số thẻ:

Exp.date/Ngày hết hạn:

Signature/Chữ ký:

CVC # (REQUIRED) /Số CVC (bắt buộc):